Ngày soạn: ……………

**Bài 2: CẤU TỨ VÀ HÌNH ẢNH TRONG THƠ TRỮ TÌNH**

*Thời gian thực hiện: 11 tiết*

(Đọc: 7 tiết; Thực hành tiếng Việt: 1 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết)

**A. MỤC TIÊU CHUNG**

**1. Về kiến thức:**

HS hiểu được các khái niệm: *cấu tứ, yếu tố tượng trưng, ngôn ngữ văn học* cùng đặc điểm, vai trò của chúng trong thơ.

**2. Về năng lực:**

- Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản; nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ.

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc và cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản thơ; phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ văn bản thơ.

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.

- Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.

- Viết được văn bản nghị luận về một bài thơ: tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh của tác phẩm.

- Biết giới thiệu (dưới hình thức nói) về một tác phẩm nghệ thuật (văn học, điện ảnh, âm nhạc, hội họa) theo lựa chọn cá nhân.

**3. Về phẩm chất:**

- Biết sống hòa đồng với mọi người, thiên nhiên; biết trân trọng những nỗi buồn trong sáng thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng với cuộc đời.

**B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**PHẦN 1: ĐỌC**

**Tiết 12, 13, 14 - VĂN BẢN 1: NHỚ ĐỒNG – TỐ HỮU**

(3 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- HS hiểu được cảm hứng chủ đạo của bài thơ: khát khao tự do, khát khao một sự thay đổi mang tính cách mạng trên quê hương.

**2. Về năng lực:**

- HS nhận biết và phân tích được đặc điểm cấu tứ cùng hệ thống hình ảnh tổ chức xoay quanh trục cảm xúc “nhớ đồng” của bài thơ.

- HS nhận biết và phân tích được dấu ấn tượng trưng trong bài thơ, chỉ ra được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học thể hiện qua hệ thống ngôn từ của văn bản.

**3. Về phẩm chất**:

HS biết trân trọng tình cảm gắn bó máu thịt với cảnh sắc, con người và số phận của quê nghèo đang đứng trước ngưỡng của những thay đổi lớn lao.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** máy tính, máy chiếu, phiếu học tập…

**2. Học liệu:** SGK, SGV, kế hoạch bài dạy.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Huy động tri thức nền của HS về thơ trữ tình; tạo tâm thế hứng thú cho HS bước vào bài học.

**b. Nội dung:** Tri thức nền của HS về thơ trữ tình.

**c. Sản phẩm:** Những chia sẻ, cảm nhận của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra yêu cầu:  - Hãy lắng nghe bài hát *“Thuyền và biển”* được phổ nhạc từ bài thơ cùng tên của nhà thơ Xuân Quỳnh. (Đồng thời, GV chiếu VB thơ để HS quan sát)  Link video: <https://www.youtube.com/watch?v=Hdyd_xuKFt0>  - Trong thực tế, việc những bài thơ được phổ nhạc không phải là hiếm. Theo em, tại sao lại có hiện tượng này?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS lắng nghe bài hát, đọc VB thơ và suy nghĩ câu trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  HS chia sẻ suy nghĩ của mình.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  HS và GV nhận xét, thống nhất ý kiến. | Những chia sẻ của HS về các yếu tố khiến một bài thơ có thể phổ nhạc thành bài hát. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

1. **Mục tiêu:**

- HS nhận biết được một số yếu tố của thơ trữ tình: cấu tứ, yếu tố tượng trưng.

- HS nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học, đặc biệt là tính đa nghĩa.

1. **Nội dung:** Tri thức ngữ văn về thơ trữ tình.
2. **Sản phẩm:** Câu trả lời, phiếu học tập của HS.
3. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đưa ra các nhiệm vụ sau, yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi:  *Nhiệm vụ 1*: Hoàn thành cột K và W của bảng KWL.  *Nhiệm vụ 2*: Đọc phần Tri thức ngữ văn (SGK – tr 54,55), tìm từ khóa cho các thuật ngữ.    **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc theo cặp đôi hoàn thành PHT.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện các cặp đôi chia sẻ kết quả làm việc của nhóm.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Các nhóm đôi khác nhận xét.  GV nhận xét, thống nhất ý kiến.  (*Lưu ý*:  - Trong phạm vi bài học này, GV chỉ cần dừng lại ở việc thuyết minh sâu hơn về những ý đã được đề cập trong phần Tri thức ngữ văn của SGK, tránh nói rộng ra về trường phái tượng trưng, chủ nghĩa tượng trưng.  - Khi giới thuyết về ngôn ngữ văn học, GV có thể vận dụng kiến thức của mình về các loại phong cách ngôn ngữ để giúp HS nhận diện và nắm bắt tốt hơn về các đặc điểm của ngôn ngữ văn học. Rất cần đưa ra những đối sánh, ít nhất với ngôn ngữ sinh hoạt và ngôn ngữ khoa học để HS tiếp thu vấn đề dễ dàng hơn, làm nổi bật *tính thẩm mĩ* và *tính hình tượng* của ngôn ngữ văn học). | **TRI THỨC NGỮ VĂN**  **1. Cấu tứ trong thơ:**  ***\* Cấu tứ:***  - Là một khâu then chốt, mang tính chất khởi đầu của hoạt động sáng tạo nghệ thuật nói chung và sáng tạo thơ nói riêng.  - Gắn với việc xác định, hình dung hướng phát triển của hình tượng thơ, cách triển khai bài thơ, sao cho toàn bộ nhận thức, cảm xúc, cảm giác của nhà thơ về một vấn đề, đối tượng, sự việc nào đó có thể được bộc lộ chân thực, tự nhiên, sinh động và trọn vẹn nhất.  ***\* Tứ thơ:***  - Làsản phẩm của hoạt động cấu tứ.  - Vai trò:  *+ Tứ* đưa bài thơ thoát khỏi sơ đồ ý khô khan, trừu tượng để hiện diện như một cơ thể sống.  + *Tứ* là cái xương sống của bài thơ, là điểm tựa cho sự phát triển của hình tượng thơ, bài thơ. Nhờ có tứ, kết cấu của bài thơ trở nên chặt chẽ, gắn kết.  - Phân biệt *tứ* và *ý*: (mở rộng)  + *Ý* tồn tại ở dạng trần trụi, khô khan, chưa thể hiện màu sắc chủ quan trong cách cảm thụ, nhìn nhận của nhà thơ.  + *Tứ* báo hiệu sự hóa thân của ý vào những hình tượng sống động mang nhiều dấu ấn của chủ thể sáng tạo.  **2. Yếu tố tượng trưng trong thơ**  - *Khái niệm*: Yếu tố tượng trưng được dùng để chỉ một hình ảnh, hình tượng chứa đựng nhiều tầng nghĩa và gợi lên những cảm nhận đa chiều (hình ảnh mang tính biểu tượng).  - *Biểu hiện của yếu tố tượng trưng trong thơ*:  + Tô đậm tính biểu tượng của các hình ảnh, chi tiết, sự việc…  + Phối hợp các âm tiết, thanh điệu, nhịp điệu nhằm khơi dậy những cảm giác bất định, mơ hồ.  + Hoà trộn cảm nhận của các giác quan, diễn tả chi tiết những sắc thái chuyển động tinh vi của sự vật, hiện tượng…  **3. Ngôn ngữ văn học**  - *Khái niệm*: là ngôn ngữ biểu đạt đặc thù của sáng tác văn học, được hình thành và phát triển nhờ lao động tinh thần đặc biệt và đầy cảm hứng của nhà văn trên cơ sở ngôn ngữ chung của đời sống do nhân dân sáng tạo nên.  - *Một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học*:  + Thể hiện rõ cá tính sáng tạo, phong cách, tài năng của nhà văn.  + Tính hình tượng  + Tính thẩm mĩ  + Tính đa nghĩa… |

**Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: *NHỚ ĐỒNG* – TỐ HỮU**

**2.1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:**

- HS nắm được những thông tin cơ bản về cuộc đời và sự nghiệp, đặc biệt là đặc điểm phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu.

- HS nắm được hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, bố cục của bài thơ.

**b. Nội dung:** Những nét khái quát về tác giả và tác phẩm.

**c. Sản phẩm:** Những chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **1. Đọc:**  GV mời 1, 2 HS đọc VB trước lớp, nhắc các em chú ý các thẻ chỉ dẫn, cách ngắt giọng phù hợp, nhấn giọng khi gặp các điệp ngữ, thay đổi ngữ điệu khi gặp các kiểu câu khác nhau.  **2. Tác giả**  Dựa vào những thông tin trong SGK – tr58 và những hiểu biết của mình, giới thiệu ngắn gọn về cuộc đời, sự nghiệp nhà thơ Tố Hữu.  **3. Tác phẩm**  - Trình bày ngắn gọn hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ của bài thơ *Nhớ đồng*.  - Có thể chia bài thơ thành mấy đoạn? Nội dung của mỗi đoạn là gì?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc diễn cảm bài thơ.  - HS làm việc cá nhân hoàn thành nhiệm vụ.  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS chia sẻ những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  HS khác nhận xét.  GV nhận xét, thống nhất ý kiến. | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả: Tố Hữu (1920 – 2002)**  - *Tên*: Nguyễn Kim Thành.  - *Quê hương*: Thừa Thiên Huế.  - *Vị trí*: “lá cờ đầu” của nền thơ cách mạng Việt Nam nửa sau thế kỉ XX.  - *Phong cách nghệ thuật thơ*: Thơ Tố Hữu là tiếng nói trữ tình nhiệt huyết về những vấn đề lớn của đất nước và cách mạng, mang đậm tính sử thi, tràn đầy niềm tin ở tương lai, tất cả được thể hiện bằng một hình thức thơ giàu tính dân tộc, gần gũi với đại chúng.  - *TP chính*: 7 tập thơ (SGK – tr58).  **2. Văn bản**  ***a. Hoàn cảnh sáng tác***  Tháng 7/1939, khi tác giả bị thực dân Pháp bắt giam ở nhà lao Thừa Phủ (thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế).  ***b. Xuất xứ***  In trong tập *Từ ấy* (1946).  ***c. Bố cục***  2 phần:  - 9 khổ đầu: Nỗi nhớ thế giới bên ngoài với những cảnh vật, con người đặc trưng cho quê nghèo muôn thuở.  - 4 khổ cuối: Nỗi nhớ bước đường hoạt động cách mạng vừa qua và niềm khao khát tự do. |

**2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- HS hiểu được cảm hứng chủ đạo của bài thơ: khát khao tự do, khát khao một sự thay đổi mang tính cách mạng trên quê hương.

- HS nhận biết và phân tích được đặc điểm cấu tứ cùng hệ thống hình ảnh tổ chức xoay quanh trục cảm xúc “nhớ đồng” của bài thơ.

- HS nhận biết và phân tích được dấu ấn tượng trưng trong bài thơ, chỉ ra được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học thể hiện qua hệ thống ngôn từ của văn bản.

- HS biết trân trọng tình cảm gắn bó máu thịt với cảnh sắc, con người và số phận của quê nghèo đang đứng trước ngưỡng của những thay đổi lớn lao.

**b. Nội dung:** Vẻ đẹp và các lớp nghĩa của bài thơ.

**c. Sản phẩm:** Kết quả làm việc của các nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu cấu tứ của bài thơ**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chia lớp thành 5 nhóm. Mỗi nhóm tìm hiểu 1 vấn đề theo các chỉ dẫn dưới đây:  ***Vấn đề 1: Nhan đề***  - Những nội dung cảm xúc nào đã được thể hiện trong bài thơ?  - Từ đó, hãy nhận xét nhan đề Nhớ đồng đã bao quát được toàn bộ nội dung cảm xúc của bài thơ hay chưa? Vì sao?  - Nên hiểu như thế nào về nghĩa của từ “đồng” trong nhan đề?  ***Vấn đề 2: Quy luật phân bố các khổ thơ***  - Em có nhận xét gì về đặc điểm hình thức và nội dung của các khổ thơ 1,4,7,13 trong bài thơ?  - Các khổ thơ hai câu đã đóng vai trò gì trong việc làm nổi bật mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình?  - Nếu không có các khổ ấy, cấu trúc của tác phẩm sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?  ***Vấn đề 3: Hệ thống hình ảnh trong bài thơ***  - Chỉ ra các hình ảnh trong từng khổ thơ. Cho biết những cụm hình ảnh ấy biểu hiện những nội dung gì?  - Ấn tượng mà các cụm hình ảnh gợi ra có giống nhau không? Cái gì được lặp và cái gì biến đổi trong các cụm hình ảnh ấy?  - Từ đó, hãy đánh giá về cách tác giả đan cài, phối hợp, sắp xếp các cụm hình ảnh.  ***Vấn đề 4: Vai trò của từ “đâu” trong việc tạo nên cấu tứ của bài thơ.***  - Từ “đâu” xuất hiện bao nhiêu lần, ở những vị trí nào trong bài thơ?  - Vị trí này có ý nghĩa như thế nào trong việc làm xuất hiện các hình ảnh, bộc lộ cảm xúc của nhân vật trữ tình và tạo nhịp điệu cho bài thơ?  ***Vấn đề 5: Sự linh hoạt trong việc sử dụng các kiểu câu***  - Phát hiện và chia nhóm câu thuộc các kiểu khác nhau (câu hỏi, câu kể và câu cảm).  - Phân tích tác dụng nghệ thuật của việc sử dụng luân phiên câu hỏi, câu kể và câu cảm thán trong bài thơ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc theo nhóm hoàn thành nhiệm vụ.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện các nhóm lần lượt trình bày kết quả hoạt động nhóm.  Các nhóm nhận xét, trao đổi.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  GV nhận xét về kết quả làm việc của các nhóm, thống nhất ý kiến.  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu các hình ảnh mang tính tượng trưng.**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu yêu cầu: *Theo em, hình ảnh nào trong bài thơ mang tính tượng trưng rõ nét hơn cả? Hãy làm rõ tính tượng trưng ở hình ảnh ấy.*  GV chia lớp thành 5 nhóm sử dụng kĩ thuật *Khăn trải bàn* để hoàn thành nhiệm vụ.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **HS 1**  ………… | **HS 2**  ………… | **HS 3**  ………… | | **HS 8**  ………... | **Hình ảnh mang tính tượng trưng:**  ......................... | HS 4  …………. | | **HS 7**  ………. | **HS 6**  ……… | **HS 5**  …………. |   **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS hoạt động nhóm theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*. Thống nhất ý kiến. Cử người đại diện trình bày.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc nhóm.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  Các nhóm nhận xét.  GV nhận xét, thống nhất ý kiến.  **Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu giá trị tư tưởng của bài thơ.**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **Chương trình: SỐNG CÙNG KÍ ỨC**  GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, tiến hành cuộc phỏng vấn giữa nhân vật trữ tình và người dẫn chương trình để hoàn thành nhiệm vụ: *Bài thơ cho thấy điều gì về tâm trạng, phẩm chất, lí tưởng của nhân vật trữ tình? Nêu cảm nhận về những cảm xúc, tâm tình được tác giả bộc lộ trong bài thơ.*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc theo cặp. HS đóng vai người dẫn chương trình cần chuẩn bị các câu hỏi để dẫn dắt giúp nhân vật trữ tình bộc lộ được tâm trạng, phẩm chất, lí tưởng của mình. Từ đó, đưa ra những cảm nhận về những cảm xúc, tâm tình đó.  HS đóng vai nhân vật trữ tình cần biết hóa thân, thấu hiểu, đồng cảm với tâm trạng của nhân vật trữ tình. Từ đó, đưa ra những lời chia sẻ về tâm trạng, phẩm chất, lí tưởng của mình trong vai nhân vật trữ tình.  **B3. Báo cáo thảo luận**  2, 3 cặp HS thực hiện cuộc phỏng vấn.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  HS và GV nhận xét, thống nhất ý kiến. | **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1. Cấu tứ của bài thơ**  **a. Nhan đề: *Nhớ đồng***  - Nội dung cảm xúc trong bài thơ là nỗi nhớ với những biểu hiện rất phong phú:  + Nhớ sắc màu, hương vị, cảnh quan đơn sơ mà quyến rũ của làng quê (khổ 2).  + Nhớ nhịp sống trì đọng, “không đổi” qua bao năm tháng của làng quê (khổ 3).  + Nhớ những con người cần cù lao động và luôn nuôi hi vọng trên những “luống cày” (khổ 5).  + Nhớ nỗi buồn cố hữu toả ra từ không gian làng quê (khổ 6).  + Nhớ những người quê “thiệt thà” “chất phác” và những “dáng hình” ruột thịt (khổ 8, 9).  + Nhớ những ngày đi ra từ làng quê, bắt đầu dấn thân vào con đường Cách mạng và vui say với lí tưởng (khổ 10, 11).  + Nhớ tất cả những gì thuộc về cuộc sống tự do bên ngoài nhà tù (khổ 12).  => Có thể thấy toàn bộ cảm xúc của bài thơ đều hướng về nỗi nhớ “ruộng đồng quê” (cụm từ này được nhấn mạnh trong hai khổ thơ có nội dung và hình thức hoàn toàn giống nhau là khổ 4 và khổ 13). Như vậy, *Nhớ đồng* là một nhan đề hoàn toàn phù hợp với nội dung tác phẩm. Có thể xem đây là *từ khoá* chi phối việc tổ chức văn bản của nhà thơ.  - Từ “đồng”: đa nghĩa  + Trước hết chỉ một không gian cụ thể, là cánh đồng, “bãi đồng”, nơi có những “ô mạ xanh mơn mởn”, nơi xuất hiện hình ảnh người nông dân “Vãi giống tung trời những sớm mai”.  + Nhưng từ “đồng” còn mang nghĩa khái quát, chỉ chung làng quê với sự thống nhất giữa cảnh và người.  + Hơn nữa, trong suy nghĩ và cảm xúc của nhân vật trữ tình, “đồng” chính là điểm tựa tinh thần, là toàn bộ cuộc sống bên ngoài nhà tù mà anh luôn hướng về.  => Như vậy, trong ngữ cảnh của bài thơ, từ “đồng” quen thuộc đã được cấp thêm những nét nghĩa mới.  **b. Quy luật phân bố các khổ thơ 1, 4, 7, 13**  *\* Nhận xét về các khổ thơ trên:*  - Về mặt hình thức:  + đều chỉ có 2 câu điệp về lời và cấu trúc, trong đó khổ 7 lặp lại hoàn toàn khổ 1, khổ 13 lặp lại hoàn toàn khổ 4.  + khổ (1,7) và khổ (4,13) chỉ khác nhau ở từ cuối cùng của câu đầu: một bên là “thương nhớ”, một bên là “hiu quạnh”.  - Về mặt nội dung:  Tất cả các khổ đều thể hiện nỗi nhớ đồng từ không gian lao tù, vào thời điểm buổi trưa.  => Rõ ràng, các khổ 1, 4, 7, 13 đã đóng vai trò bản lề để kết nối hai không gian (bên trong – bên ngoài) và hai thời gian (hiện tại – quá khứ).  *\* “Quy luật” phân bố các khổ thơ trên:*  Bốn khổ thơ hai câu đảm nhiệm chức năng đánh dấu các giai đoạn phát triển của cảm xúc trong bài thơ. Mỗi khi những hình ảnh thân thương của đồng quê, của ngày qua được gợi lên, nhân vật trữ tình không nén nổi cảm xúc, phải bật thốt tiếng kêu tự đáy lòng, và sau tiếng kêu ấy, cảm xúc chùng lắng xuống để loạt hình ảnh từ quá khứ hiện ra, tiếp nối, dồn tụ, đợi phát triển đến đỉnh cao lần nữa. Tất cả như những đợt sóng gối nhau tạo thành một dòng chảy liên tục nhưng có biến đổi lên xuống nhịp nhàng. Cần lưu ý là câu sau của khổ 1 và khổ 7 kết thúc bằng âm tiết mang thanh điệu được phát âm ở âm vực thấp (“hờ”), còn câu sau của khổ 4 và khổ 13 kết thúc bằng âm tiết mang thanh điệu được phát âm ở âm vực cao (“ơi”). Sự luân phiên này không chỉ phản ánh chân thực các cung bậc cảm xúc của nhân vật trữ tình mà còn tạo cho bài thơ một nhạc tính hấp dẫn.  **c. Hệ thống hình ảnh trong bài thơ**  *- Các hình ảnh vừa mang tính cụ thể vừa mang tính biểu tượng:*  + Khổ 2: “gió cồn thơm”, “ruồng tre mát”, “ô mạ xanh mơn mởn”, “nương khoai ngọt sẵn bùi” → phong vị đồng quê đầy thân thương khuấy động nỗi nhớ.  + Khổ 3: “đường con bước vạn đời”, “xóm nhà tranh thấp ngủ im hơi” → cuộc sống “âm u gợi nỗi cảm thương, day dứt.  + Khổ 5: “lưng cong xuống luống cày”, bàn tay “vãi giống tung trời những sớm mai” → hoạt động của những người cần lao gieo niềm hi vọng vào một ngày mới.  + Khổ 6: “chiều sương phủ bãi đồng” “lúa mềm xao xác ở ven sông” “tiếng xe lùa nước “giọng hò đưa hồ não nùng" — không khí ảm đạm của đồng quê gợi nỗi niềm “xao xác”.  + Khổ 9: “những hồn thân tự thuở xưa”, “những hồn chất phác hiến như đất” — sự hồn hậu của những người lao động nghèo khổ khơi dậy bao tình cảm ấm áp.  + Khổ 11: “Tôi” “nhẹ nhàng như con chim cà lợi”, “say đồng hương nắng vui ca hát” → những ngày hoạt động trước đây (kiếm tìm lẽ sống và bắt gặp lí tưởng) làm dấy lên niềm khao khát cuộc đời tự do.  *- Nhận xét về cách tác giả đan cài, phối hợp, sắp xếp các cụm hình ảnh:*  Mỗi cụm hình ảnh gợi lên ở người đọc một ấn tượng riêng, có ngây ngất hân hoan, có u sầu trĩu nặng, tất cả đan bện vào nhau, tạo nên một trạng thái cảm xúc, tinh thần đặc biệt, cho thấy sự phức hợp của nỗi nhớ và đời sống nội tâm phong phú của nhân vật trữ tình. Nói chung, bài thơ đã thể hiện được nỗi “nhớ đồng” của nhân vật trữ tình một cách chân thực, sống động, có thể gợi lên được mối đồng cảm sâu xa ở độc giả.  **d. Vai trò của từ “đâu” trong việc tạo nên cấu tứ của bài thơ**  - Từ “đâu” xuất hiện 10 lần trong bài thơ, thể hiện hoạt động ráo riết của kí ức nhằm làm sống dậy quá khứ, làm hiển hiện cả một không gian thân quen giờ đây đã trở thành cõi tách biệt.  - Từ “đâu” được đặt ở vị trí đầu tiên của các câu thơ, đóng vai trò thúc giục, khuấy động tâm trí của nhân vật trữ tình. Lần nào xuất hiện, từ này cũng kéo theo một loạt hình ảnh mới.  - Bên cạnh đó, từ “đâu” còn góp phần tạo cho bài thơ một nhịp điệu đầy biến hoá, khi hối thúc, gấp gáp, khi chậm rãi, lắng sâu, thể hiện được đặc điểm tâm tư đầy xáo động của người tù trẻ tuổi đang khao khát tự do, khao khát hoạt động.  + Từ “đâu” góp phần quan trọng tạo nên mạch lạc và liên kết của văn bản, khiến cho việc bộc lộ cảm xúc của nhân vật trữ tình trở nên thuận lợi, đảm bảo cho bài thơ vừa có được sự phong phú của các loại hình ảnh, lại vừa có được sự chặt chẽ, phân minh về cấu trúc, phù hợp với sự tiến triển theo đúng quy luật tâm lí của mạch cảm xúc.  => Với ý nghĩa đó, từ “đâu” rõ ràng đóng vai trò then chốt trong việc làm nổi rõ cấu tứ độc đáo của bài thơ.  **e. Sự linh hoạt trong việc sử dụng các kiểu câu: câu hỏi, câu kể, câu cảm.**  Tác dụng:  - *Về nghệ thuật*: góp phần tạo nên nhịp điệu phong phú của bài thơ.  - *Về nội dung*:  + Gắn với yêu cầu biểu hiện thế giới chủ quan của nhân vật trữ tình, việc sử dụng luân phiên các kiểu câu cho thấy cảm xúc là một hiện tượng phức tạp, ít khi tồn tại ở dạng đơn nhất mà thường bao gồm nhiều sắc thái khác nhau.  + Gắn với yêu cầu tác động vào người đọc, việc sử dụng luân phiên các kiểu câu giúp bài thơ thoát khỏi sự đơn điệu của cách diễn tả để luôn kích thích cảm giác và suy ngẫm, biến việc đọc bài thơ thành một quá trình đối thoại và tự đối thoại không dứt.  **2. Các hình ảnh mang tính tượng trưng trong bài thơ**  - Hình ảnh “đường con bước vạn đời” và “xóm nhà tranh thấp ngủ im hơi”  => Hai hình ảnh này bổ sung cho nhau tạo nên một hình tượng khái quát:  + Không chỉ thể hiện con đường, mái nhà cụ thể  + mà còn ngụ ý về cuộc sống quần quanh, tù túng, đơn điệu, nhạt nhoà, cần thay đổi. + Xét rộng ra trong nghệ thuật của Việt Nam và thế giới, hàm nghĩa triết lí gắn với hình tượng này đã được rất nhiều tác giả (nhất là các tác giả của chủ nghĩa lãng mạn) chú ý khai thác.  - Hình ảnh “lưng cong xuống luống cày”, bàn tay “vãi giống tung trời những sớm mai”  => Hai hình ảnh này phối hợp với nhau để tạo nên một hình tượng lớn về vẻ đẹp của lao động và về sự mạnh mẽ, lạc quan của tầng lớp cần lao. Khi xây dựng hình tượng này, Tố Hữu chịu ảnh hưởng sâu sắc từ bài thơ *Mùa gieo hạt, buổi chiều* của nhà thơ Pháp Vich-to Huy-gô (Victor Hugo). Đây cũng là hình tượng mang ý nghĩa khái quát triết lí, từng được thể hiện trong nhiều bức tranh của danh hoạ Pháp Giăng-Phrăng-xoa Min-lê (Jean-François Millet) cũng như trong sáng tác của một số hoạ sĩ nổi tiếng khác.  **3. Giá trị tư tưởng của bài thơ**   |  |  | | --- | --- | | **Nhân vật trữ tình:**  **Người chiến sĩ trẻ bị tù đày** | | | **Tâm trạng** | Nhớ đồng cồn cào do tác động ban đầu của một tiếng hò vẳng lên trong không gian tù ngục hiu quạnh lúc buổi trưa. | | **Phẩm chất** | Chân thành, trung hậu, có tình cảm gắn bó sâu nặng với gia đình, quê hương, đặc biệt với những người lao khổ. | | **Lí tưởng** | - Mong thay đổi cuộc sống mỏi mòn, tù đọng.  - Luôn hướng về Cách mạng với niềm tin lớn. | |

**2.3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** HS biết đánh giá, khái quát về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

**b. Nội dung:** Nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Em hãy cho biết cảm hứng chủ đạo và đánh giá khái quát về nghệ thuật của bài thơ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS trình bày ý kiến cá nhân.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  HS khác nhận xét.  GV nhận xét, thống nhất ý kiến. | **III. TỔNG KẾT**  **1. Cảm hứng chủ đạo:** niềm khao khát tự do, khao khát một sự thay đổi mang tính cách mạng trên quê hương.  **2. Đặc sắc nghệ thuật:**  - Cấu tứ độc đáo.  - Hình ảnh mang tính tượng trưng.... |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) kết nối Đọc – viết.

**b. Nội dung:** Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) làm sáng tỏ mối liên hệ giữa các chi tiết, hình ảnh đã làm nên thế giới cảm xúc “nhớ đồng” trong bài thơ.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS làm việc ở nhà: *Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) làm sáng tỏ mối liên hệ giữa các chi tiết, hình ảnh đã làm nên thế giới cảm xúc “nhớ đồng” trong bài thơ.*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS làm việc cá nhân, ở nhà.  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS nộp lại bài viết cho GV vào tiết học tiếp theo.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét bài viết của HS. Có thể chọn đọc những bài viết tốt cho HS tham khảo vào thời gian thích hợp. | Bài làm của HS. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

**b. Nội dung:** Chuyển thể nội dung bài thơ sang một thể loại nghệ thuật khác (tranh ảnh, bài hát/ rap, ngâm thơ…)

**c. Sản phẩm:** Tác phẩm chuyển thể của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Hãy chuyển thể nội dung bài thơ *Nhớ đồng* sang một loại hình nghệ thuật khác (tranh vẽ, bài hát/ rap, ngâm thơ…)  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS hoàn thành nhiệm vụ ở nhà.  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS nộp lại sản phẩm sau 1 tuần.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  GV đánh giá và trưng bày những tác phẩm có chất lượng. | Tranh vẽ/ bài hát/ rap/ bản thu âm ngâm thơ… của HS. |

**Tiết: 15 – 16**

**VĂN BẢN 2: TRÀNG GIANG – HUY CẬN**

**(2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:** HS nhận biết được cấu tứ độc đáo của bài thơ gắn với việc xây dựng hai hệ thống hình ảnh chuyển hóa luân phiên từ gần đến xa, từ cụ thể đến trừu tượng, từ gợi cảm xúc trần thế đến cảm xúc vũ trụ.

**2. Về năng lực:**

- HS cảm nhận được vẻ đẹp riêng của một bài thơ có yếu tố tượng trưng, chỉ ra và phân tích được sự hiện diện của các yếu tố ấy trong bài *Tràng giang*.

- HS phân tích được những đặc điểm của ngôn ngữ văn học thể hiện qua cách dùng từ ngữ và xây dựng hình ảnh trong bài thơ *Tràng giang*.

**3. Về phẩm chất:** HS đồng cảm được với tâm trạng, cảm xúc, suy nghiệm của nhà thơ về cuộc đời và về các mối tương quan như: con người – vũ trụ, hữu hạn – vô hạn, hữu hình – vô hình…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Sách giáo khoa, giấy A0, máy chiếu,…

**2. Học liệu:**

a. Giáo viên

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về nhà thơ, hình ảnh sông Hồng, phim *về Huy Cận.*

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

b. Học sinh

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

- Đồ dùng học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
| **11** | 15 |  |  |  |
| 16 |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ: Kết hợp khi dạy bài mới**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**:

- HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề nâng cao.

- Hs hứng khởi tham gia hoạt động, mong muốn khám phá, tìm tòi kiến thức mới.

**b. Nội dung:** vấn - đáp (HĐ cá nhân)

**c. Sản phẩm:**

+ Ca dao viết về buổi chiều

+ Thơ viết về buổi chiều

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**:  GV đặt câu hỏi:  + GV chiếu hình ảnh đẹp về buổi chiều và đặt câu hỏi:  + Em đã bao giờ có trải nghiệm đứng một mình trước cảnh trời đất mênh mông trong buổi chiều tà? Theo em thì khung cảnh ấy có tác động gì tới tâm hồn con người không?  + Hãy đọc một số câu ca dao, thơ mà em biết viết về cảnh chiều tà?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Hs suy nghĩ trả lời  **Bước 3. Báo cáo thảo luận:**  Hs đọc ca dao, hoặc thơ  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện**  Gv: nhận xét, chốt kiến thức  => Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:*Buổi chiều là thời điểm cuối ngày vì vậy nó là thời gian của gặp gỡ, đoàn tụ, trở về. Vào thời điểm ấy, chim bay về tổ, thủy chiều cũng vội vã về với biển và con người cũng trở về với mái ấm. Vậy nên, Không gian buổi chiều thường gợi cho con người nhiều cảm xúc.  + Trong ca dao: Một người con khi lấy chồng xa, mỗi chiều lại ngóng về quê mẹ:  *"Chiều chiều ra đứng ngõ sau*  *Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều"*  + Bà Huyện Thanh Quan, khi bước tới Đèo Ngang hoang sơ, hùng vĩ vào buổi chiều tà cũng nhớ nước thương nhà cùng với nỗi buồn cô đơn đã làm bài thơ: "Qua đèo ngang".  Trong bài học ngày hôm nay, chúng ta sẽ gặp lại những vần thơ viết về khung cảnh chiều tà trong bài "Trang giang" của Huy Cận. Chúng ta sẽ đi khám phá xem: tâm trang, cảm xúc và hình ảnh thơ trong bài thơ có gì đặc biệt? | **- Ca dao**  **- Thơ** |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:** HS hiểu được những đặc điểm về cuộc đời, phong cách thơ Huy Cận, những đóng góp của Huy Cận trong văn học hiện đại Việt Nam.

**b. Nội dung:** 2 nội dung: tác giả, tác phẩm

**c. Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức, phiếu bài tập, thảo luận nhóm, câu trả lời miệng của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Trước giờ học:**  **Chia lớp thành 4 nhóm:**  **Nhóm 1, 2: Tìm hiểu về tác giả Huy Cận và tóm tắt thông tin về tác giả, tác phẩm bằng sơ đồ, tranh vẽ (sử dụng phần mềm canva để làm), powerpoint, dạng avatar, …**  **Nhóm 3,4: Tái hiện lại khung cảnh "Tràng giang" mà em cảm nhận được bằng tranh, sơ đồ (dựa vào các câu hỏi gợi ý trong sách), …**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu nhóm 1 cử đại diện lên thuyết trình.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Hs xem lại bài, chuẩn bị thuyết trình  **B3. Báo cáo thảo luận**  - Hs thuyết trình  - Gv quan sát, hỗ trợ nếu cần  Nhóm 2 nhận xét  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, đánh giá | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Tiểu sử:  + Huy Cận (1919- 2005 ), tên khai sinh : Cù Huy Cận  + Quê: làng Ân Phú – Hương Sơn – Hà Tĩnh.  - Sự nghiệp:  + Vị trí: Nhà thơ tiêu biểu nhất của phong trào Thơ mới, cây bút có nhiều đóng góp xuất sắc cho nền thơ ca cách mạng Việt Nam từ sau năm 1945.  + Phong cách:  ., Thơ Huy Cận giàu chất suy tưởng, tràn đầy cảm xúc về vũ trụ, luôn thể hiện khát khao hòa điệu với cuộc đời và tạo vật.  ., Thơ Huy Cận có sự cân bằng giữa vẻ đẹp cổ điển và vẻ đẹp hiện đại; giữa chất lãng mạn và chất tượng trưng.  + Tác phẩm tiêu biểu: *Lửa thiêng* (1940), *Trời mỗi ngày lại sáng* (1958), *Đất nở hoa* (1960), …  **2. Văn bản**  **a. Xuất xứ**: in trong tập *Lửa thiêng*, tên lúc đầu của bài thơ là *Chiều trên sông.*  **b. Hoàn cảnh sáng tác:** Cảm hứng sáng tác của bài thơ được khơi dậy từ những buổi chiều tác giả tới ngắm cảnh mênh mang của sông Hồng ở vùng Chèm – Vẽ vào mùa thu năm 1939.  **c. Thể loại:** Thất ngôn trường thiên.  **d. Bố cục:**  - Khổ 1: Tràng giang – dòng sông hữu hình  - Khổ 2: Tràng giang – dòng sông suy tưởng  - Khổ 3: Tràng giang - nỗi sầu nhân thế  - Khổ 4: Tràng giang - nỗi sầu vũ trụ |

**Nội dung 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Hiểu được bức tranh thiên nhiên tràng giang buồn vắng, ảm đạm, đìu hiu. Hiểu được tâm sự yêu nước thầm kín của nhà thơ ẩn sau nỗi sầu trước không gian vũ trụ. Từ đó, gợi ra tâm trạng buồn mênh mang, cô đơn của nhân vật trữ tình.

**b. Nội dung:** 4 nội dung : khổ 1, khổ 2, khổ 3 và khổ 4

**c. Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức, phiếu bài tập, thảo luận nhóm, câu trả lời miệng của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **GV** Chiếu hoặc treo sản phẩm của nhóm 3,4 lên vị trí dễ nhìn của lớp học.  Trong quá trình tìm hiểu bài, GV nhận xét các sản phẩm cùng với quá trình tìm hiểu bài học.  **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  - *Nghĩa từ vựng của “tràng giang” là gì? Có thể thay thế nhan đề đã có của bài thơ bằng một từ hoặc cụm từ thuần Việt mang nghĩa tương đương được không? Vì sao?*  - *Em hiểu như thế nào về nội dung lời đề từ (vốn là một câu thơ của chính Huy Cận trong bài “Nhớ hờ” in ở tập “Lửa thiêng”)?*  - *Có điểm gì chung về nội dung và hình thức giữa nhan đề và lời đề từ?*  - *Ấn tượng mà nhan đề và lời đề từ gợi lên có sự tương hợp như thế nào với ấn tượng mà bốn khổ thơ sau đó có thể đưa lại cho người đọc?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện đọc và trả lời câu hỏi  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trả lời  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các kiến thức cơ bản  **Nhiệm vụ 2.**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi phát vấn:  *Liệt kê các hình ảnh trong khổ 1? Các hình ảnh này có thể chia thành những loại lào, dược nhà thơ sắp xếp theo trật tự như thế nào? Từ đó nhận xét về các hình ảnh thơ trong 2,3,4 ?*  *Chỉ ra sự tương phản giữa các hình ảnh trong khổ thơ thứ 2. Sự tương phải đó có ý nghĩa gì và tiếp tục được triển khai ở những khổ kế tiếp như thế nào?*  *Có thể dùng từ ngữ nào để chỉ tính chất khung cảnh được "vẽ" ra trong bài thơ?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện đọc và trả lời câu hỏi  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trả lời  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các kiến thức cơ bản  **Nhiệm vụ 3.**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV phát vấn, yêu cầu HS tìm các từ ngữ và hình ảnh đặc sắc dựa trên gợi ý sau:  *+ Bài thơ có những điểm khác lạ nào trong cách sử dụng ngôn ngữ? Hãy làm rõ hiện tượng đó qua phân tích một ví dụ bạn cho là tiêu biểu.*  *+ Nếu một số thi liệu truyền thống xuất hiện trong văn bản. Việc tác giả sử dụng những thi liệu ấy cho biết thêm điều gì về cấu tử của bài thơ?*  *+ Câu 3 của khổ 1 có thể được ngắt nhịp theo một số phương án khác nhau, theo đó, sự có mặt của dấu câu và vị trí đặt dấu câu cũng có thể đòi hỏi nhiều cân nhắc. Nếu được phép quyết định trong vai trò là tác giả bài thơ, em sẽ chọn phương án nào? Vì sao?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện đọc và thảo luận  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trả lời  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các kiến thức cơ bản  **Nhiệm vụ 4.**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV phát vấn: *Bài thơ đã giúp bạn có thêm được cảm nhận gì về đời sống, về mối quan hệ giữa con người cá nhân với vũ trụ vô biên?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện đọc và thảo luận  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trả lời  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các kiến thức cơ bản | **II. Khám phá văn bản**  **1. Cấu tứ của bài thơ**  ***a. Nhan đề và lời đề từ***  - Nhan đề: từ Hán Việt, điệp vần ang => Gợi sự cổ kính, trang trọng; gợi một sắc thái mênh mang của một con sông vừa dài vừa rộng vô cùng.  - Lời đề từ:  + Nằm ngoài văn bản, là một câu thơ trong bài thơ "Ghi nhớ" của tác giả.  + Cả con người và tạo vật ngập tràn trong nỗi buồn sầu, nỗi thương nhớ bâng khuâng.  => Nhan đề và lời đề từ vừa báo hiệu trạng thái tinh thần bao trùm bài thơ vừa khai mở dòng cảm xúc của nhân vật trữ tình trước "trời rộng", "sông dài" và trước cuộc đời.  ***b. Khung cảnh và những hình ảnh được vẽ ra trong bài thơ***  **-** Hình ảnh thơ trong từng khổ được phân thành hai lớp kế tiếp nhau:  **+** Hình ảnh cụ thể, dòng tràng giang của thiên nhiên, một không gian hữu hình.  **+** Hình ảnh có tính chất ngụ ý, tượng trưng, gợi cho người đọc những suy ngẫm sâu xa hơn về cuộc đời, về vũ trụ.  *=> Trong mỗi khổ thơ các hình ảnh đều được đặt trong "lộ trình" vận động: từ biểu đạt cái hữu hình đến biểu đạt cái vô hình.*  - Sự tương quan đối lập, tương phản: nhỏ bé – bao la; gắn bó – phân li; không – có, …  => Khung cảnh được "vẽ" ra trong bài thơ mênh mông, vô tận, buồn, hưu hắt, vắng vẻ, lạnh lẽo, rời rạc, …  ***2. Một số đặc sắc về nghệ thuật***  *a/ Ngôn ngữ mang dấu ấn tác giả*  - Các kết hợp từ mới: "buồn điệp điệp", "nước song song", "sầu trăm ngả", "sâu chót vớt", "niềm thân mật", …  - Mô hình cú pháp không giống cú pháp ngôn ngữ giao tiếp quen thuộc: "thuyền về nước lại", "nắng xuống trời lên", "Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa", …  => Đây chính là hiện tượng phá vỡ những quy tắc thông thường tạo nên tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học, dấu ấn riêng của tác giả.  *b. Thi liệu truyền thống*  - Về hình ảnh: sông dài, thuyền – nước, bèo – nước, làng xa bên sông, núi mây bạc, cánh chim chiều, …  - Về từ ngữ: "đìu hiu", "đùn".  - Về tứ thơ: "không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà"  => Bài thơ "Tràng giang" "mang đậm vẻ đẹp cổ điển".  - Nhận xét: Việc sử dụng các thi liệu truyền thống nằm trong ý đồ cấu tứ và chiến lược tổ chức văn bản của nhà thơ. Với sự xuất hiện của các thi liệu này, hướng vận động của hệ thống hình ảnh trong bài thơ được xác định rõ: mỗi hình ảnh sẽ ám gợi về một điều gì đó vô hình hơn ở bên ngoài nó và dẫn người đọc hướng tới những suy nghiệm sâu sắc về tình thế tồn tại của con người, về bản chất của cuộc sống.  *c. Yếu tố tượng trưng*  - "Tràng giang" vừa gợi lên một khung cảnh quen thuộc với tâm thức người Việt, vừa hướng độc giả tới những suy tưởng về mối quan hệ giữa con người cá nhân với xã hội, về tương quan giữa con người bé nhỏ với vũ trụ bí ẩn, vô tận.  - Mỗi hình ảnh thơ đều có xu hướng trở thành biểu tượng, hàm chứa nhiều lớp nghĩa, gợi vô số cảm nhận tùy theo từng trải nghiệm của người đọc.  => Trong các nhà thơ mới, Huy Cận là người đã tạo được sự cân bằng, hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa lãng mạn và tượng trưng.  ***3. Thông điệp***  - Cái tôi cá nhân vô cùng nhỏ bé trong cuộc đời, với đất trời, vũ trụ.  - Nỗi buồn của tác giả giúp mỗi chúng ta thêm trân trọng cuộc sống ngày hôm nay hơn.  - Ngọn "lửa thiêng" đáng quý mà tác giả trao lại cho các thế hệ độc giả: Hãy biết gắn kết, yêu thương để cuộc sống trở nên ý nghĩa và hạnh phúc.  - "Tràng giang" "đầy rẫy tình người, tình đời" bởi nói nó là sự khát khao kết nối; khát khao tìm về một điểm tựa bình yên trong tâm hồn (quê hương, gia đình). |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

**b. Nội dung:** 2 nội dung:

**c. Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức, phiếu bài tập, câu trả lời miệng của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HSđọc lại toàn bộ bài vừa học  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **?** Nêu những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - HS sử dụng sgk  - HS làm việc cá nhân  (Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để tổng kết)  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung:**  Vẻ đẹp bức tranh thiện nhiên, nỗi sầu của cái tôi cô đơn trước vũ trụ rộng lớn, niềm khát khao hòa nhập với đời và lòng yêu quê hương đất nước tha thiết.  **2. Nghệ thuật:**  **-** Sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố cổ điển và hiện đại.  - Sự sáng tạo trong cách sử dụng ngôn ngữ.  - Hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS nắm chắc nội dung bài học để giải quyết các bài tập

**b. Nội dung:** HS sử dụngSách giáo khoa, đọc ghi nhớ, tư duy để trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của GV. Hai nội dung: vẽ sơ đồ tư duy; viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm:**

- Sơ đồ tư duy bài học.

**-** Bài sưu tầm, bài viết của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV giao nhiệm vụ:**  + Vẽ sơ đồ tư duy bài học  + Làm bài tập phần Luyện tập.  Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) bày tỏ sự tâm đắc của bạn về một phương diện nổi bật của bài thơ Tràng Giang  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện nhiệm vụ  Vẽ đúng sơ đồ tư duy  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, chốt lại nội dung | - Sơ đồ tư duy  - Đoạn văn |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS biết ứng dụng kiến thức đã học để giải quyết một bài tập liên quan đến tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụngsách giáo khoa, tài liệu để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm:** thơ, đoạn văn cảm nhận.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

Sưu tầm thêm một số bài thơ của Huy Cận trước cách mạng. Viết cảm nhận về các bài thơ đó

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ và thực hành nhiệm vụ

**B3. Báo cáo thảo luận**

Hs chia sẻ bài viết

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

GV nhận xét, biểu dương những HS thực hiện tốt nhiệm vụ

**4. Củng cố:**

**5. HDVN:** Học thuộc bài thơ Tràng Giang. Nắm được nội dung chính và nghệ thuật.

- Soạn bài mới: Con đường mùa đông – Pushkin

Phụ lục:

***Rubic chấm bài viết kết nối đọc***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(3 điểm)** | **1 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả  Sai kết cấu đoạn | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Chuẩn kết câu đoạn  Không có lỗi chính tả | **3 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận Chuẩn kết câu đoạn  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(7 điểm)** | **1 – 4 điểm**  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **5 – 6 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **7 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

Ngày soạn:

**Tiết …. - VĂN BẢN 3: CON ĐƯỜNG MÙA ĐÔNG**

***A.X. Puskin***

**(… tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- HS đánh giá được giá trị thẩm mĩ của cấu tứ bài thơ – cấu tứ hành trình nương theo dòng tâm tưởng nhân vật trữ tình, xoay quanh một hình tượng – hạt nhân được nêu ra ngay từ nhan đề bài thơ.

**2. Về năng lực:**

**a. Năng lực chung:** (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp, thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.

- Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới; biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

**b. Năng lực đặc thù:**

- HS nhận biết và phân tích được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học, đặc biệt là tình đa nghĩa, thể hiện qua cách kết hợp từ ngữ, kiến tạo hình tượng trong bản dịch bài thơ Con đường mùa đông.

- Hs cảm nhận được vẻ đẹp của một bài thơ nước ngoài có những hình ảnh, chi tiết mang ý nghĩa biểu tượng, nhận biết và phân tích được vai trò của những yếu tố ấy trong bài thơ Con đường mùa đông.

**3. Về phẩm chất:**

HS đồng cảm được với tâm trạng, cảm xúc, suy nghiệm của nhân vật trữ tình trong hành trình trên con đường mùa đông, cũng là hành trình cuộc đời của con người: mối quan hệ tương giao giữa con người và cảnh vật, cội nguồn, khát vọng hạnh phúc và ý thức về sứ mệnh của mỗi người trên đường đời.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Giáo án, bảng, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.

**2. Học liệu:** Các bức tranh ảnh, video clip có liên quan đến phần giới thiệu về tác giả và tác phẩm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

**b. Nội dung:**

- Hs theo dõi qua máy chiếu/tivi một số hình ảnh do GV trình chiếu.

- Hs trao đổi, thảo luận và trình bày suy nghĩ của mình.

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV trình chiếu một số hình ảnh về con đường vắng lặng, đường đêm hun hút….. Từ đó GV yêu cầu HS:  + Cảm giác của em khi đi qua con đường này một mình.  + Để vượt qua nỗi sợ hãi, ghê rợn khi đi qua những con đường này thì em sẽ làm gì?  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Hs trình bày ý kiến của mình  **Bước 3. Báo cáo thảo luận:**  GV gọi khoảng 2 -3 HS chia sẻ  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV cho HS đánh giá, phản biện, trao đổi | Hs có thể có nhiều cách suy nghĩ, quan điểm khác nhau về thái độ của mình, miễn là không vi phạm pháp luật, phù hợp với thuần phong mĩ tục và cách lý giải hợp lý. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. Đọc và tìm hiểu chung**

- Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

- Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *1) Đọc*  *+ GV hướng dẫn cách đọc*  *+ Gv hướng dẫn học sinh chú ý câu hỏi trong hộp chỉ dẫn*  *2) Tìm hiểu chung*  *Hs hoàn thành PHT số 1 để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm (ở nhà)*  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  - Hs chú ý nhịp, đọc diễn cảm  - Lưu ý dừng đọc đúng thời điểm để trả lời các câu hỏi trong hộp chỉ dẫn  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - A-lếch-xan-đrơ Xéc-ghê-ê-vích Pu-skin (1799 -1837)  - Xuất thân trong một gia đình quý tộc mê thơ và biết làm thơ từ khi lên 7 ,8 tuổi.  - Thời đại: sinh ra và lớn lên trong thời đại cả nước Nga đang bị đè nặng bởi ách thống trị của chế độ nông nô chuyên chế  - Là nhà thơ mở đầu, đặt nền móng cho văn học hiện thực Nga thế kỉ XIX.  - Đóng góp: Puskin có đóng góp trên nhiều mặt, nhiều thể loại, nhưng cống hiến vĩ đại nhất của ông vẫn là Thơ trữ tình với hơn 800 bài thơ và 13 bản trường ca bất hủ. Vì thế mà Puskin được xem là “*Mặt trời của thi ca Nga”* (Léc-môn-tốp).  - PCNT trong thơ trữ tình:  + Ngôn từ chính xác, giản dị, trong sáng, hàm súc.  + Những sắc màu, hình ảnh, âm thanh trong thơ của ông không chỉ thể hiện tâm trạng mà còn chuyên chở những vận động cúa ý thức của NVTT, hướng tới hóa giải những khúc mắc trong lòng người để cuối cùng đạt tới một xúc cảm cân bằng, hài hòa đến kì lạ.  + Thơ Puskin tràn ngập tinh thần nhân văn, vừa cao cả, vừa trần thế.  **b. Văn bản**  - Hoàn cảnh sáng tác:  + Tháng 12/1825, cuộc khởi nghĩa chống lại chế độ nông nô chuyên chế do những người trí thức quý tộc tiến bộ lãnh đạo đã nổ ra rộng khắp trên nước Nga. Đến đầu năm 1826, cuộc khởi nghĩa bị dập tắt.  + Mùa đông năn 1826, nỗi buồn riêng của nhà thơ, nỗi buồn chung của nhân dân, cùng ý chí và khát vọng vượt qua những buồn tủi, khó khăn đã trở thành nguồn cảm hứng để Puskin sáng tác bài thơ.  - Bố cục: chia làm 3 phần:  + P1 – Khổ 1: Con đường mùa đông – nỗi buồn và nỗ lực vận động vượt qua trở ngại.  + P2 – Khổ 2 – 6: Con đường mùa đông – cảnh vật và vận động tâm tưởng của người lữ hành.  + P3 – Khổ 7: Con đường mùa đông – vững bước hành trình cùng những điểm tựa tinh thần và ý thức về sứ mệnh. |

**Nội dung 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- HS đánh giá được giá trị thẩm mĩ của cấu tứ bài thơ – cấu tứ hành trình nương theo dòng tâm tưởng nhân vật trữ tình, xoay quanh một hình tượng – hạt nhân được nêu ra ngay từ nhan đề bài thơ.

- HS nhận biết và phân tích được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học, đặc biệt là tình đa nghĩa, thể hiện qua cách kết hợp từ ngữ, kiến tạo hình tượng trong bản dịch bài thơ Con đường mùa đông.

- Hs cảm nhận được vẻ đẹp của một bài thơ nước ngoài có những hình ảnh, chi tiết mang ý nghĩa biểu tượng, nhận biết và phân tích được vai trò của những yếu tố ấy trong bài thơ Con đường mùa đông.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc hiểu văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về nhan đề**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ:**  *Gv sử dụng kĩ thuật Khăn trải bàn để hs thảo luận về câu hỏi:* *Nhan đề của bài thơ gợi cho bạn những liên tưởng gì?*  Các kỹ thuật dạy học tích cực – Dạy Và Học Online – Luyện Thi Hà Thành  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, thảo luận  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi/ trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Nhan đề**  **-** *Con đường*:gợi ý niệm về sự vận động, về hành trình cuộc đời.  **-** *mùa đông:* gợi cảm xúc giá lạnh, nỗi buồn  -> Nghĩa biểu tượng: nhan đề bài thơ gợi cho chúng ta liên tưởng đến những khó khăn trở ngại trên hành trình mùa đông cô đơn, lạnh giá và ý thức vượt qua trở ngại ấy, lấy lại thăng bằng. Đó cũng là những khó khăn, trở ngại trên hành trình cuộc đời của mỗi con gười. |
| **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv yêu cầu hs đọc thầm khổ 1 và xác định:  - Không gian, thời gian  - Hình ảnh trumg tâm của khổ thơ  - Cảm xúc, tâm trạng của NVTT  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm cặp  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **2. Phân tích**  **2.1. Con đường mùa đông – nỗi buồn và nỗ lực vận động vượt qua trở ngại.**  - Thời gian là đêm khuya mùa đông, không gian là cánh đồng bao la.  - Hình ảnh “trăng”- ánh sáng buồn bã, tỏa rộng khắp khoảng trống u buôn trên đường trong rừng khuya  -> Nỗi buồn cao độ, tràn ngập không gian, dâng lên chất chứa trong lòng người cảm nhận - NVTT  - Các từ ngữ “xuyên qua”, “nhô ra”, “dội” : tô đậm nỗ lực vượt qua khó khăn, trở ngại trong lòng NVTT.  -> quy luật vận động của cuộc sống: c/s luôn vận động về phía trước, xua đi nỗi buồn để hạnh phúc, niềm vui còn đọng lại.  - Cảm xúc của NVTT: Yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu cái đẹp và luôn tin tưởng mình có thể vượt lên số phận  => Khung cảnh thiên nhiên nên thơ, trữ tình nhưng ảm đạm, đặc trưng mùa đông nước Nga. |
| **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Gv tổ chức HĐN: chia lớp thành các nhóm 4 HS, yêu cầu hoàn thành Phiếu học tập số 2 với nội dung:  - Con đường mùa đông:  + Âm thanh  + Hình ảnh  - Cảm xúc của NVTT  Gợi ý:  *- Xác định những hình ảnh, hoạt động tương phản trong khổ thơ 4. Nhân vật trữ tình xuất hiện trong khổ thơ này có còn chìm trong cảnh vật u buồn nữa không? Vì sao?*  - Lời than “Ôi buồn đau, ôi cô lẻ...” kết nối tâm tưởng nhân vật trữ tình với ai? Ở đâu?  *- Xác định không gian, thời gian tâm tưởng của NVTT trong 2 khổ 5 và 6? Hãy hình dung NVTT được tận hưởng những gì và tiếp tục đấu tranh với nỗi buồn ra sao?*  Thời gian: 15ph  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc kĩ văn bản  - HS suy ngẫm các câu hỏi và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | **2.2. Con đường mùa đông – cảnh vật và vận động tâm tưởng của người lữ hành.**  - Không gian: Con đường vắng lặng, buồn tẻ.  - Âm thanh  + Tiếng lục lạc - rung lên đơn điệu tẻ ngắt  + Tiếng kim đồng hồ kêu tích tắc – tiếng điểm bước vận động không ngừng của thời gian  + Bài ca của người xà ích chứa đựng cả niềm vui và nỗi buồn.  => Mỗi âm thanh xuất hiện vừa nhấn mạnh nỗi buồn, vừa cho thấy hướng vận động của nhân vật trữ tình để vượt qua những khó khăn trên con đường Nỗi buồn thời thế hòa với với sự cô đơn của thân phận.  - Hình ảnh biểu tượng:  + xe tam mã biểu tượng cho chuyển động nhanh như bay lên -> ý thức về sự vận động và tìm đến với tinh thần dân tộc Nga  + bài ca của người xà ích – lời ca dân gian -> ý thức về cội nguồn của NVTT  +mái lều, ánh lửa: gợi ý niệm về nhà, đó là mái ấm yên bình  +Nhi – na – biểu tượng của hạnh phúc, tình yêu, nvtt coi đó là mục đích của hành trình.  -> NVTT coi những hình ảnh đó là điểm tựa hành trang tinh thần cho mình để có thể vững vàng đi tiếp trên con đường mùa đông tràn ngập nỗi buồn lạnh giá  - Hình ảnh tương phản:  + ánh lửa – mái lều (thẫm đen) >< rừng sâu – tuyết (trắng) ; không có (ấm áp) >< chỉ có (lạnh lẽo);  -> đó là sự đối lập giữa tâm cảnh và ngoại cảnh  + Hình ảnh “những cột dài cây số” là biểu tượng cho những cột mốc trong cuộc đời, ngược chiều với sự vận động tiến lên của con người, người lữ hành luôn không ngừng chuyển động về phía trước  -> Nhằm nhấn mạnh sự tách biệt tâm tưởng của người lữ hành ra khỏi cảnh vật bên ngoài ; đồng thời nhấn mạnh hướng vận động không ngừng về phía trước. NVTT không còn chìm đắm trong cảnh vật u buồn nữa.  - Cảm xúc của NVTT:  + Lời than: “Ôi buồn đau, ôi cô lẻ...”: Sự thể hiện dòng cảm xúc mãnh liệt, kết nối tâm tưởng nhân vật trữ tình với cô gái Nga yêu thương.  + Nhân vật trữ tình lúc này đang tận hưởng tâm trạng nhớ thương của người lữ khách: hơi ấm của mái ấm (lò đỏ lửa), hơi ấm của tình yêu (ngắm em, ngắm mãi không thôi, bên nhau trong đêm)  + Nhà thơ tiếp tục đấu tranh với nỗi buồn bằng cách gọi tên người yêu, đối mặt với “Kim đồng hồ kêu tích tắc”: tiếng điểm bước vận động không ngừng của thời gian và “lũ người tẻ ngắt”.  ->Quy luật của cuộc sống: c/s vận động không ngừng qua bước đi của thời gian, theo quy luật sẽ hoàn tất vòng quay đều đặn của mình, xua đi xa nỗi buồn để hạnh phúc tình yêu được đọng lại.  Khát khao về hòa bình, hạnh phúc đã trở thành động lực để nhân vật trữ tình vượt qua những gian truân. |
| **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Đọc văn bản và suy ngẫm, GV phát vấn  *- Nêu nhận xét về những hình tượng thơ được điểm lại trong khổ thơ cuối.*  *Hãy chia sẻ suy nghĩ của bạn về cách lấy lại cảm giác bình yên trên những “con đường mùa đông” trong cuộc đời.*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc kĩ văn bản  - HS suy ngẫm các câu hỏi và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | **2.3. Con đường mùa đông – vững bước hành trình cùng những điểm tựa tinh thần và ý thức về sứ mệnh.**  - Những hình tượng thơ được điểm lại:  + Nhi – na: người luôn đồng hành cùng lữ khách – là điểm tựa tình yêu.  + con đường – của tôi: sự gắn bó mật thiết giữa NVTT và con đường  + Hình ảnh chiếc xe ngựa cùng bác xà ích lặp lại, tạo nên kết cấu vòng tròn tương ứng cho bài thơ, gợi cảm giác bình yên, gắn bó (ý thức về cội nguồn)  + “Sương mờ che lấp ánh trăng nghiêng”: ánh trăng xuyên qua lớp sương mù, rọi sáng -> nỗi buồn bị xua đi để hạnh phúc còn đọng lại  -Với ý thức về sứ mệnh, về những điểm tựa tinh thần đồng hành với mình, NVTT tìm lại được cảm giác bình yên, đạt tới xúc cảm hài hòa. Nỗi buồn đã được lắng lại, hóa thành niềm yêu cuộc sống và niềm tin vào tương lai tươi sáng. |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

**b. Nội dung:** Giáo viên phát vấn, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu câu hỏi  *Nêu khái quát nội dung và những nét đặc sắc về NT của bài thơ?*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ, trả lời  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời  - Hs khác lắng nghe, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại | **III. Tổng kết**   1. **Nội dung**   Bài thơ đã khắc họa vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên và tâm hồn con người Nga một cách trọn vẹn. Đó là vẻ đẹp của một con người có tấm lòng yêu thiên nhiên, yêu đất nước và giàu nghị lực, ước mơ trên con đường đời cô lẻ, lắm gian truân.   1. **Nghệ thuật**   - Thể thơ: tự do.  - Hình ảnh thơ quen thuộc, gần gũi, giàu sức gợi và giá trị biểu cảm.  - Hình tượng thơ có sự vận động theo dòng tâm trạng của nhân vật trữ tình: đi từ buồn chán, tẻ nhạt rồi đến cuối bài thơ, vẫn là những sự vật ấy nhưng trạng thái đã khác, càng buồn hơn nhưng trong đó vẫn ẩn chứa một niềm hy vọng mong manh về một ngày sẽ trở về -> Cấu tứ của bài thơ rất độc đáo. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học vào thực hành

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn hs viết đoạn văn cảm nhận về một một hình ảnh thơ đặc sắc

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn của Hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV giao nhiệm vụ:**  Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về một hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng mà bạn cho là đặc sắc nhất trong bài thơ Con đường mùa đông.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các bài viết tốt để cả lớp tham khảo. | Bài viết của học sinh |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Hs nắm bắt được một loại hình cấu tứ tương đối phổ biến trong thơ trữ tình – cấu tứ hành trình nương theo dòng tâm tưởng NVTT, xoay quanh một hình tượng – hạt nhân được nêu ra ngay từ nhan đề bài thơ

**b. Nội dung:** Giáo viên gợi dẫn học sinh liên hệ bài thơ đã học với một bài thơ khác có cùng cấu tứ. Học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Hãy liên hệ với một bài thơ khác có cùng kiểu cấu tứ như bài thơ Con đường mùa đông mà em biết  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện nhiệm vụ ở nhà.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần tìm hiểu của mình ở tiết học tiếp theo  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá và cho điểm những bài làm tốt của học sinh . | Phần liên hệ của học sinh |

**4. HDVN:**

- Hoàn thiện nội dung bài học và hệ thống phiếu bài tập

- Soạn bài: Thực hành tiếng Việt

**Phụ lục 1**

|  |
| --- |
| Họ tên/Nhóm HS………………………………………..Lớp…………………… |
| **Phiếu học tập số 1**  **CON ĐƯỜNG MÙA ĐÔNG**  **(A -lếch -xan-đrơ Xéc -ghê-ê -vích Pu-skin)**  **Tìm hiểu về Hình tượng con đường đêm đông** |
| **\* Hình tượng con đường đêm đông**  **+ Khung cảnh thiên nhiên**   * Hình ảnh   ….……………………………………………………………………………………………   * Âm thanh   ….……………………………………………………………………………………………  \* Cảm xúc của nhân vật trữ tình  ….…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

***Phụ lục 2. Rubic chấm bài viết viết KẾT NỐI VỚI ĐỌC***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(3 điểm)** | **1 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả  Sai kết cấu đoạn | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Chuẩn kết câu đoạn  Không có lỗi chính tả | **3 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận Chuẩn kết câu đoạn  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(7 điểm)** | **1 – 4 điểm**  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **5 – 6 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **7 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

Ngày soạn:

**TIẾT 5. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG PHÁ VỠ NHỮNG QUY TẮC NGÔN NGỮ THÔNG THƯỜNG: ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC DỤNG**

**(01 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

**- Học sinh nhận biết** được đặc điểm của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.

**- Học sinh chỉ ra** được chức năng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc thông thường trong sáng tác văn học

**- Học sinh củng cố được** hiểu biết về tính đặc thù của ngôn ngữ văn học và ý nghĩa của sự sáng tạo trong tác phẩm văn học ở phương diện ngôn ngữ.

**2. Về năng lực:**

**Học sinh phân tích được** đặc điểm của một số hình thức phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học và hiệu quả thẩm mỹ mà các hình thức đó đưa lại.

**3. Về phẩm chất**:

Học sinh biết trân trọng những sáng tạo về phương diện ngôn ngữ trong các tác phẩm văn học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác ...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG .**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học  **b. Nội dung thực hiện**:   * GV phát vấn * HS trả lời | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV phát vấn:  Đọc bài thơ sau và chỉ ra nét độc đáo trong việc kết hợp từ:  **Qua Đèo Ngang**  *Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà,* *Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.* *Lom khom dưới núi, tiều vài chú,* *Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.* *Nhớ nước, đau lòng, con quốc quốc,* *Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia.* *Dừng chân đứng lại, trời, non, nước,* *Một mảnh tình riêng, ta với ta.*  (Huyện Thanh Quan)  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và tham dự  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Trong một số sáng tác văn học, việc xuất hiện một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường đem lại những hiệu quả, tác dụng nghệ thuật nhất định. | **GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS** |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động**:   * Học sinh nhận biết được được đặc điểm và tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường * Học sinh chỉ ra được chức năng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc thông thường trong sáng tác văn học * Học sinh vận dụng kiến thức để hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường trong việc tạo lập văn bản.   **b. Nội dung thực hiện:**   * GV phát vấn – HS trả lời | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên phát vấn, HS trả lời các câu hỏi sau  *+ Cần làm gì để nhận biết hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường?*  *+ Nêu một số hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong các sáng tác văn học?*  *+ Nêu mục đích của việc phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học*  *+ Theo em, nếu không có hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thì các sáng tác văn học (đặc biệt là thơ) có trở nên chuẩn mực và có tính ổn định hay không? Lấy ví dụ chứng minh.*  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận và trả lời  **Thời gian**: 15 phút  **Chia sẻ**: 3 phút  **Phản biện và trao đổi**: 2 phút  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện**  Giáo viên chốt những kiến thức | * **Lí thuyết**   **1. Cách nhận diện hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ trong sáng tác văn học**  - Phải nắm vững những quy ước ngôn ngữ có tính chuẩn mực của tiếng Việt.  - Thực hiện đối chiếu, so sánh các phương án sử dụng ngôn ngữ khác nhau.  **2. Một số hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học**  - Tạo ra những kết hợp từ trái logic nhằm lạ hóa đối tượng được nói đến  - Sử dụng hình thức đảo ngữ để nhấn mạnh một đặc điểm nào đó của đối tượng miêu tả, thể hiện  - Cung cấp nét nghĩa mới cho từ ngữ nhằm đưa đến phát hiện bất ngờ về đối tượng được đề cập. Đồng thời bổ sung chức năng mới cho dấu câu khi trình bày văn bản trên giấy   * **Giải bải tập: tham khảo phụ lục** |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng năng lực** ngôn ngữ để nhận diện, phân tích ý nghĩa của hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường  **b. Nội dung thực hiện**  HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài tập củng cố | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ:  Học sinh lựa chọn 1 trong 3 đoạn thơ và tiến hành nhận diện, phân tích ý nghĩa của hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường.  1.Tôi đong thêm mấy hao gầy  Mở ngày tháng đế chất đầy tương tư  (Khúc dịu êm - Đỗ Trung Lai))  2. Đàn cừu đi giữa tung tăng  Làm hương cỏ rối dậy hăng núi đồi  (Trên Cao Nguyên - Lê Đình Cánh)  3. Ai tình tứ cho cả chiều bờ ngỡ  Liền chị xa biền biệt nỗi giăng mùng.  (Một chút giăng mùng - Phan Quế)  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và thực hiện bài tập  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS  Đáp án tham khảo  1.Tính từ đặt vào vị trí của danh từ rong câu thơ thứ nhất. Tạo ra một kết hợp từ trái logic nhằm lạ hóa và gây ấn tượng mạnh mẽ với người đọc.  2. Giữa thảo nguyên mênh mông, ngắm đàn cừu, nhà thơ vui như chính mình được chạy nhảy tung tăng với chúng, trẻ lại, hồn nhiên, ngây thơ như... con cừu. Trong tâm trạng ấy, nhà thơ có "đặt nhầm" vị trí từ loại thì cũng là cái "nhầm đáng yêu" làm cho câu thơ đẹp hơn, hay hơn.  3. "xa biền biệt" thì chuyện "thương thầm" là quá hiển nhiên! Nhà thơ viết "nỗi giăng mùng" hình ảnh này gây ấn tượng, xao động tâm tư, gợi nhiều liên tưởng: giăng mùng, trải chiếu thường nghĩ đến chụyện lứa đôi, hạnh phúc, đằng này lại xa biền biệt. |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh tự tìm hiểu về một số hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học.  **b. Nội dung thực hiện:** HS hoàn thành bài viết và tự sửa lại bài viết theo rubric chấm | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  Học sinh tìm hiểu thêm một số các trường hợp phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong sáng tác văn học.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | GV linh hoạt vào bài chia sẻ của HS |

***Phụ lục 1. Giải bài tập***

**Câu 1**

- “Buồn” chỉ tâm trạng của con người, “điệp điệp” là từ chỉ dòng chảy hoặc nói lem lém, nói lau láu. Ví dụ: Điệp điệp bất hưu (Nói luôn mồm không thôi).

- Vì thế, trong cụm từ “buồn điệp điệp” ở dòng mở đầu bài thơ Tràng giang tác giả đã tạo ra cách kết hợp từ trái với logic. Cách kết hợp như vậy gợi tả một nỗi buồn day dứt lòng người của tác giả.

**Câu 2**

- “Chót vót” là từ láy vốn chỉ được sử dụng để diễn tả độ cao, trong câu thơ của Huy Cận, nó lại đi với chiều sâu. Cảm giác sâu chót vót là có thật bởi tác giả nhìn dòng sông và thấy bầu trời dưới đáy sông sâu. Không gian được mở rộng đến hai lần: có cả chiều cao (từ mặt nước lên bầu trời) và cả chiều sâu (bầu trời dưới đáy sông sâu).

=> Tác giả cung cấp nét nghĩa mới cho từ ngữ nhằm đưa đến phát hiện bất ngờ về đối tượng được đề cập.

**Câu 3**

- Tác giả sử dụng hình thức đảo ngữ:

“Lơ thơ cồn nhỏ, tiếng làng xa vãn chợ chiều.”

- Hình thức đảo ngữ giúp nhấn mạnh hình ảnh tràng giang một buổi chiều mênh mông, vắng vẻ. Cảnh vật bên cồn thưa thớt trống trải, âm thanh của tiếng chợ chiều đã vãn bao giờ cũng chứa chất nỗi buồn.

**Câu 4**

Giá trị biểu đạt của dấu hai chấm ở dòng thơ “Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa”: Tác giả đã bổ sung chức năng mới cho dấu câu, diễn tả hai hình ảnh đối lập nhau. Dấu hai chấm không chỉ đơn thuần để ngắt câu mà nó còn mang dụng ý nghệ thuật sâu sắc nhằm nhấn mạnh hơn không gian bao la, bát ngát đến vô tận. Con chim lẻ loi đơn độc này dường như đang mang một gánh nặng, một bóng chiều trong mình, không chỉ trong cảm xúc, mà còn trong dòng chảy nghệ thuật đang tiến trên trang giấy.

**Câu 5**

- Nguyên nhân của sự biến đổi: Ở bản in thơ năm 1939 có hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường. Còn ở bản in năm 1988, không có hiện tượng này.

- Ở bản in năm 1939, tác giả dùng dấu chấm than ở câu thơ thứ nhất “Ô! Hay buồn vương cây ngô đồng”. Tác giả bổ sung chức năng mới cho dấu câu. Thông thường dấu chấm than dùng để bộc lộ cảm xúc hoặc kết thúc câu cầu khiến. Ở trong câu thơ này, dấu chấm than chia câu thơ làm hai về, vừa để bộc lộ cảm xúc, vừa như có ý để hỏi.

***Phụ lục 2. Bảng kiểm đánh giá thảo luận nhóm***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vấn đề** | **Mức độ** | **Tiêu chí đánh giá** | **Nhóm số…** | **Tổng điểm** |
| **Quá trình thảo luận** | ***Tích cực, hiệu quả*** | ***Nhóm đã tích cực hoàn thành công việc được giao, có những đóng góp có giá trị.*** |  |  |
| ***Tích cực, chưa hiệu quả*** | ***Nhóm hoàn thành công việc được giao, có đóng góp ý kiến những vẫn chưa đúng hoặc ít có giá trị*** |  |
| ***Chưa hiệu quả*** | ***Nhóm có thành viên không tham gia hoặc rất ít có đóng góp vào hoạt động thảo luận của nhóm*** |  |
| **Mức độ tập trung chú ý** | ***Cao*** | ***Ghi chép đầy đủ, tập trung, tích cực lắng nghe và phản hồi các ý kiến của các nhóm khác*** |  |
| ***Bình thường*** | ***Ghi chép đầy đủ, chú ý nhận nhiệm vụ*** |  |
| ***Thấp*** | ***Không ghi chép, thiếu tập trung, lơ đãng, làm việc riêng*** |  |
| **Trình bày kết quả thảo luận** | ***Tốt*** | ***Trình bày đầy đủ các nội dung được giao một cách chính xác, hợp lí***  ***Trình bày rõ ràng, mạch lạc***  ***Có sáng tạo*** |  |
| ***Khá tốt*** | ***Trình bày đầy đủ các nội dung được giao nhưng còn một số sai sót nhỏ***  ***Trình bày rõ ràng, mạch lạc*** |  |
| ***Chưa tốt*** | ***Trình bày chưa đầy đủ các nội dung được giao, còn nhiều sai sót***  ***Cách trình bày thiếu tự tin, chưa cụ thể, rõ ràng*** |  |

**Ngày soạn: 30/7/2023**

**PHẦN 3: VIẾT**

**TIẾT 7: VIẾT**

**VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM THƠ**

**(Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh của một tác phẩm)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

**-** Học sinh giới thiệu được ngắn gọn về bài thơ được chọn (tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, khuynh hướng, trào lưu văn học gắn với bài thơ; lí do lựa chọn bài thơ để phân tích, đánh giá)

**-** Học sinh chỉ ra và phân tích được những nét đặc sắc, độc đáo của bài thơ ( cấu tứ độc đáo của bài thơ và sự chi phối của nó đến từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, nhạc điệu, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh,…)

**-** Học sinh đánh giá giá trị của bài thơ về phương diện nghệ thuật cũng như ý nghĩa nhân sinh.

**2. Về năng lực:**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc học sinh tạo lập văn bản, tiếp nhận, đánh giá các văn bản văn học, các sản phẩm giao tiếp.

**- Năng lực đặc thù:** Học sinh vận dụngnăng lực ngôn ngữ, năng lực văn học để thực hành viết nhanh một đoạn nêu hoặc trình bày một quan điểm, đánh giá về cấu tứ và hình ảnh của tác phẩm thơ

**3. Về phẩm chất**:

- Chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực qua việc tìm hiểu bài “Vẻ đẹp thơ ca”, từ đó bồi dưỡng tâm hồn, yêu thơ ca, trân trọng vẻ đẹp cuộc sống, có tình yêu đối với tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ**  **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái, hứng thú để gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học  **b. Nội dung thực hiện**:  - GV phát vấn: Em hiểu thế nào là cấu tứ trong thơ? Phân tích cấu tứ trong bài thơ “Mùa xuân xanh” của Nguyễn Bính.  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  - Chia lớp thành 4 nhóm tương đương 4 đội chơi. Trong thời gian 3 phút mỗi đội viết sơ đồ ngắn gọn về cấu tứ của bài thơ “Mùa xuân xanh” lên giấy dán.  - Trong khoảng thời gian 1 phút nhóm nào dán được nhiều từ hơn, các từ có giá trị biểu cảm cao hơn sẽ giành chiến thắng.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Trao đổi, thảo luận, trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  Giáo viên dẫn dắt vào bài học | - Các từ ngữ cảm nhận của HS được dán trên bảng. |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **a. Mục tiêu hoạt động**:  **- Học sinh giới thiệu** được ngắn gọn về bài thơ được chọn (tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, khuynh hướng, trào lưu văn học gắn với bài thơ; lí do lựa chọn bài thơ để phân tích, đánh giá)  **- Học sinh chỉ ra và phân tích** được những nét đặc sắc, độc đáo cấu tứ của bài thơ chi phối từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, nhạc điệu, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh…  **- Học sinh đánh giá** giá trị của bài thơ về phương diện nghệ thuật cũng như ý nghĩa nhân sinh.  **b. Nội dung thực hiện:**  - Học sinh đọc Bài thơ “Tĩnh dạ tứ” của Lý Bạch và thực hiện trả lời các câu hỏi trong sgk. Hoàn thiện phiếu học tập cá nhân trước khi đến lớp.  - Học sinh lập dàn ý và ghi lại các lưu ý khi thực hành bài viết  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS, Phiếu học tập hoàn chỉnh.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên yêu cầu HS đọc văn bản.  ? Xác định vấn đề chính được bàn luận?  ? Tác giả đã triển khai các luận điểm theo tình tự như thế nào?  + Yêu cầu học sinh trả lời PHT cá nhân (thực hiện ở nhà trước khi đến lớp)  + HS nhận xét, bổ sung, nêu ý kiến.  + GV đánh giá.  - GV chia lớp thành 3 nhóm  **Nhóm 1: Trả lời câu hỏi 1**  - Ưu điểm của cách cảm nhận và phân tích thơ theo sự vận động của cấu tứ  + Cách cảm nhận và phân tích này chỉ ra được hướng phát triển hình tượng thơ, các hình ảnh nổi bật trong bài thơ từ đó đánh giá và nhận xét được suy nghĩ, quan niệm của tác giả một cách chính xác nhất.  + Cách cảm nhận và phân tích này thể hiện được rõ ràng mạch cảm xúc của bài thơ, phân tích bài thơ theo cấu tứ cảm nhận được từng câu, từng khổ thơ một cách rõ ràng và mạch lạc để người đọc có thể dễ dàng hiểu được nội dung bài thơ từ đầu đên cuối.  + Với bài thơ “Tĩnh dạ tứ”, cách cảm nhận này không chỉ làm nổi bật được nội dung bài thơ, phân tích được tác dụng của các biện pháp nghệ thuật trong từng câu thơ, khổ thơ; mà còn nhấn mạnh được các chi tiết, hình ảnh quan trọng trong bài thơ.  => Cách cảm nhận và phân tích theo cấu tứ giúp người đọc cảm nhận bài thơ một cách dễ hơn, rõ ràng hơn và tính chỉnh thể sự gắn kết các hình ảnh trong việc thể hiện mạch cảm xúc của chủ thể trữ tình.  **Nhóm 2: Trả lời câu hỏi 2**  - Trong bài nghị luận phân tích, đánh giá về một tác phẩm thơ, thực chất của việc phân tích theo cấu tứ là việc phân tích, nêu cảm nhận của bản thân về sự vận động, hướng phát triển của các hình tượng thơ qua đó cảm nhận giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ đó…..  **Nhóm 3: Trả lời câu hỏi 3**  - Người viết đã đánh giá hình ảnh ánh trăng tròn viên mãn mà người xa cách, xúc cảnh sinh tình nỗi nhớ quê từ đó mà dấy lên- Về tính thuyết phục của đánh giá trên:  + Người viết đã phân tích từng câu thơ, từng hình ảnh trong bài thơ để làm nổi bật giá trị nội dung của bài thơ.  🡺 Đánh giá của người viết với bài thơ đã có đủ sức thuyết phục người đọc, có những luận điểm, lí lẽ và bằng chứng xác đáng, làm nổi bật được giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  + Học sinh hoàn thành phiếu bài tập trước khi đến lớp.  + Thảo luận nhóm trong 7 phút.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần bài làm  - Nhóm 1 báo cáo  + Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  - Nhóm 2 báo cáo  + Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  - Nhóm 3 báo cáo  + Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá, nhận xét, chốt lại kiến thức  ? Từ việc tìm hiểu trên, em hãy chỉ ra đặc điểm của bài văn NLPT, đánh giá một tác phẩm thơ theo cấu tứ?  ? Các yếu tố chủ yếu của một bài thơ?  ? Yêu cầu đối với bài văn bài văn NL phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ theo cấu tứ?  ?Trước khi viết chúng ta cần làm gì?  **- Chuẩn bị viết**  + Lựa chọn bài thơ được phân tích, đánh giá  + Tìm đọc tham khảo những bài viết, ý kiến liên quan  **- Tìm ý và lập dàn ý**  + Đọc lại bài thơ đã chọn  + Thử liên kết các hình thức đặc biệt (âm điệu, nhip, hình ảnh, ngôn ngữ,…)  + Tìm hiểu thông tin về tác giả, hoàn cảnh sáng tác, chú ý các bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội  + Vận dụng các thao tác so sánh, liên tưởng, thống kê phân tích một cách hợp lí  + Đánh giá bài thơ cần đánh giá cả hình thức nghệ thuật và nội dung mang tính nhân văn của bài thơ  ? Các bước lập dần ý? | **I. Tìm hiểu chung về bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ**  **1. Tìm hiểu bài viết tham khảo SGK**  - Vấn đề chính được bàn luận: Sự vận động cấu tứ trong bài thơ” Tĩnh dạ tứ”  + Bài nghị luận giúp người đọc hiểu về tâm trạng của người lữ khách xa quê trong đêm yên tĩnh tình quê hương ngổn ngang muôn lối đã tức cảnh sinh tình. Chọn ánh trăng để gửi gắm bao nỗi niềm.  - Tác giả đã triển khai các luận điểm theo trình tự:  + Giới thiệu chung (nhan đề, định hướng phân tích)  Phân tích sự vận động của tứ thơ chi phối đến các yếu tố làm nên vẻ đẹp của thơ (Từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, các phép tu từ đối, điệp, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh,…)  Kết luận: tóm lược khẳng định giá trị nét độc đáo của bài thơ.  **2. Tìm hiểu những đặc điểm của bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ trên phương diện cấu tứ và hình ảnh.**  - Bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ không phải là một bài phát biểu cảm nhận đơn thuần.  - Kiểu bài viết này đòi hỏi sự chặt chẽ trong lập luận, sự sáng rõ, sắc nét của luận điểm và sự mạch lạc trong tổ chức bài viết.  - Bởi vậy, người viết cần nắm chắc các tri thức về đặc trưng thi ca đặc biệt là vai trò của cấu tứ trong việc chi phối đến sự vận động của hình tượng và hình ảnh thơ đã được giới thiệu trong các bài học và được làm rõ qua các tiết đọc văn bản để có những phân tích, đánh giá thuyết phục.  **3. Các yếu tố chủ yếu của một bài thơ**  + Mạch cảm xúc của thi nhân được gửi qua những rung động và tình cảm của nhân vật trữ tình.  + Các yếu tố về hình thức nghệ thuật: Từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, nhạc điệu, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh,…  Ví dụ một số đề bài văn nghị luận phân tích đánh giá một tác phẩm thơ theo cấu tứ:  - Vẻ đẹp của mùa thu trong bài thơ *Thu hứng*  - Phân tích sự độc đáo cấu tứ của những hình ảnh trong thơ hai-cư  - Cảm nhận về mạch liên kết cảm xúc trong bài thơ *Mùa xuân chín*  **4. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ theo cấu tứ**  - Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ được chọn  - Chỉ ra và phân tích được những nét đặc sắc, độc đáo của bài thơ  - Đánh giá giá trị của bài thơ về phương diện nghệ thuật cũng như ý nghĩa nhân sinh.  **II. Tìm ý, lập dàn ý bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ (Tìm hiểu cấu tứ và hình ảnh)**  **1. Cách tìm ý cho bài văn nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ**  - Đọc lại bài thơ đã lựa chọn. Có thể đọc thầm hoặc đọc thành tiếng để cảm nhận đầy đủ hơn về âm điệu, nhịp điệu của nó dể cảm nhận sự vận động của mạch cảm xúc. Bài thơ đã hình thành và hoàn thiện dựa trên ý tưởng nào? Điều gì làm cho ý tưởng đó được thể hiện một cách sinh động? Từ cấu tứ, bài thơ thể hiện được phát hiện gì của nhà thơ về con người về thế giới. Chú ý những cách diễn đạt lạ, có thể lần đầu mình bắt gặp và những hình ảnh gây ấn tượng. Sau khi đọc, hãy suy nghĩ vì sao bài thơ lại có những cách tổ chức và kết hợp ngôn từ đặc biệt như vậy.  - Liên kết âm điệu, nhịp điệu, ngôn ngữ, hình ảnh của bài thơ và chú ý xem mạch liên kết này có thể đem đến cho bạn sự bất ngờ nào trong cảm xúc, liên tưởng và nhận thức.  - Tìm hiểu thêm thông tin về tác giả và hoàn cảnh sáng tác, chú ý bối cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa, văn học của bài thơ - có thể giúp hiểu sâu hơn về ngôn ngữ, hình ảnh, cảm xúc và tư tưởng của bài thơ.  - Khi phân tích nội dung nghệ thuật của bài thơ, chú ý vận dụng các thao tác so sánh và liên tưởng một cách thích hợp. (Ví dụ: so sánh từ ngữ mà nhà thơ lựa chọn với những từ ngữ đồng nghĩa, gần nghĩa, từ đó lý giải vì sao lựa chọn của nhà thơ có thể được xem nhà tối ưu.)  - Cần tập trung vào những phương diện hình thức nghệ thuật và nội dung của bài thơ mà người đọc xem là độc đáo, mới mẻ, thú vị.  - Khi đánh giá bài thơ, cần chú ý đầy đủ các giá trị thẩm mĩ và giá trị nhân văn của nó. (Bài thơ gợi cho bạn những trải nghiệm đặc biệt gì về cảm giác, cảm xúc, nhận thức? Những trải nghiệm đó có ý nghĩa như thế nào đối với bạn?)  **2.** **Lập dàn ý**  *+ Mở bài*: Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ và xác định sẽ được tập trung cần bàn luận trong bài viết.  *+ Thân bài*: Cần triển khai các ý  . Cảm giác chung mà cấu tứ cùng các hình ảnh và cách diền đạt khác lạ trong bài thơ đã gợi cho người đọc.  . Sự khác biệt của bài thơ này so với bài thơ khác trên phương diện xây dựng hệ thống hình ảnh và tạo nên sự kết nối giữa các bộ phận cấu tạo trong bài thơ.  . Khả năng hiểu khác nhau với các hình ảnh trong bài thơ.  . Sự gợi mở với cách nhìn mới với thế giới và con người được đề xuất từ mạch ngầm văn bản bài thơ.  *+ Kết bài*: Khẳng định lại sự độc đáo của bài thơ và ý nghĩa của nó đới với việc đem lại cách nhìn, cách đọc mới cho đọc giả  **- Viết**  + Chú ý diễn đạt, hình ảnh, chú ý dẫn các dòng thơ, khổ thơ, nối chuyển  **- Chỉnh sửa, hoàn thiện**  + Đọc lại và chỉnh sửa bài viết, đối chiếu với các yêu cầu khác của đề bài. Đồng thời chỉnh sửa các lỗi về chính tả và ngữ pháp |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng** năng lực ngôn ngữ để thực hành viết nhanh một đoạn nêu hoặc trình bày một quan điểm, đánh giá về một khía cạnh, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm thơ  **b. Nội dung thực hiện**  HS vận dụng kiến thức đã học đã hoàn thành bài viết theo rubic chấm  **c. Sản phẩm** : Câu trả lời đúng của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  ? Nhắc lại các bước làm bài nghị luận, phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ?  **- Chuẩn bị viết:**  + Lựa chọn bài thơ sẽ được phân tích, đánh giá. Cân nhắc để lựa chọn bài thơ đã thật sự làm bạn rung cảm và tin vào giá trị nghệ thuật của nó.  + Tìm đọc tham khảo những bài viết, ý kiến liên quan đến bài thơ HS sẽ phân tích, đánh giá.  **- Tìm ý, lập ý**  **- Viết**  **- Chỉnh sửa, hoàn thiện.**  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hành lập dàn ý và viết bài  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo  - GV: HS nhắc lại yêu cầu của đề bài.  - Đọc một số bài tiêu biểu.  - HS nhận xét, trình bày ý kiến của bản thân.  - GV trao đổi những điểm đáng ghi nhận, những điểm cần sửa chữa của bài viết. | **III. Thực hành viết**    **Đề bài: Phân tích bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” của Hàn Mặc Tử theo cấu tứ**  **1. Bước 1: Chuẩn bị viết**  - Dạng bài: nghị luận đánh giá, phân tích một tác phẩm thơ theo cấu tứ  - Về nội dung: Phân tích sự đứt đoạn trong cấu tứ của bài thơ thể hiện ở ba khổ nếu như khổ đầu là cảnh Thôn Vĩ một sớm mai tinh khôi, khổ hai là cảnh sông nước đêm trăng thì khổ 3 ba lại thế giới ảo của một giấc mơ – Tiếng gọi cuống quýt trước cuộc đời. Đứt đoạn về cấu tứ nhưng lại thống nhất ở mạch cảm xúc đó là tiếng kêu rớm máu của một tâm hồn quằn quại đau thương yêu tha thiết cuộc sống.  - Về thao tác lập luận: Sử dụng tổng hợp các thao tác lập luận để triển khai vấn đề nghị luận  - Về phạm vi dẫn chứng: Sử dụng ngữ liệu trong tác phẩm “Đây thôn Vĩ Dạ” của Hàn Mặc Tử.  **- Hệ thống luận điểm triển khai bài viết:**  + Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nhan đề bài thơ  + Phân tích, đánh giá sự gợi mở của nhan đề bài thơ  + Phân tích, đánh giá cấu tứ và mạch cảm xúc của nhà thơ  + Phân tích vẻ đẹp thiên nhiên và con người qua những tín hiệu thẩm mĩ (từ ngữ, cách gieo vần, ngắt nhịp, các biện pháp tu từ,…)  + Nét hấp dẫn riêng của bài thơ so với những sáng tác khác cùng đề tài, chủ để, thể loại (của chính nhà thơ hoặc của những tác giả khác).  **2**. **Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**    ***\* Lập dàn ý: bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo một trình tự nhất định theo ba phần lớn của bài văn, gồm:***  *- Mở bài*  - Thân bài  - Kết bài  **IV. Trả bài** |
| **4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ**  **a. Mục tiêu hoạt động:** Học sinh hoàn thiện bài viết và liên hệ với các vấn đề về tư tưởng sâu sắc trong bài viết  **b. Nội dung thực hiện:** HS hoàn thành bài phân tích, đánh giá, chọn một vấn đề mang tính toàn cầu, xã hội để bàn luận cùng bạn bè trong lớp  **c. Sản phẩm** : Câu trả lời đúng của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao nhiệm vụ  Học sinh thảo luận và thực hiện  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS |

***Phụ lục 1. Rubic chấm bài viết***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(3 điểm)** | **1 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả  Sai kết cấu đoạn | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Chuẩn kết câu đoạn  Không có lỗi chính tả | **3 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận Chuẩn kết câu đoạn  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(7 điểm)** | **1 – 4 điểm**  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **5 – 6 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1-2 ý mở rộng nâng cao | **7 điểm**  Nội dung đúng, đủ và trọng tâm  Có ít nhất 1-2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

***Phụ lục 2: Phiếu học tập***

**PHIẾU HỌC TẬP NHÓM 1**

***Bài viết tham khảo cảm nhận và phân tích bài thơ “Mùa xuân xanh” (Nguyễn Bính) vừa theo cấu tứ tuyến hình ảnh trải dọc bài thơ, vừa theo từng câu thơ, khổ thơ. Cách cảm nhận và phân tích đó có những ưu thế gì nổi bật?***

**Trả lời**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………

**PHIẾU HỌC TẬP NHÓM 2**

***Trong bài nghị luận phân tích, đánh giá về một tác phẩm thơ theo cấu tứ, thực chất của việc phân tích là gì?***

**Trả lời**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**PHIẾU HỌC TẬP NHÓM 3**

***Người viết đã đánh giá bài thơ như thế nào? Nêu nhận xét khái quát về tính thuyết phục của đánh giá đó.***

**Trả lời**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE**

**GIỚI THIỆU MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Cung cấp được thông tin chung về tác phẩm nghệ thuật một cách sáng rõ, chính xác (tên tác phẩm, tác giả, thể loại, thời điểm sáng tác, đánh giá của công chúng và các nhà chuyên môn,…)

- Nêu được lý do chọn giới thiệu tác phẩm.

- Trình bày được cảm nhận, quan điểm cá nhân của người nói về giá trị tác phẩm với các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; chủ động đặt câu hỏi để người nghe cùng tương tác và đối thoại.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực giải quyết vấn đề: thực hiện nhiệm vụ trước vấn đề được cung cấp.

- Năng lực thuyết trình: thuyết trình về nghệ thuật.

**3. Về phẩm chất:**

Thể hiện sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm nghệ thuật.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

Giáo viên: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

Học sinh: Đọc trước các nội dung được hướng dẫn trong SGK

Chuẩn bị trước các nhiệm vụ Gv giao (trong cuối tiết trước)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | | |
| **Nhóm** | **Phạm vi** | **Yêu cầu** |
| 1 | Giới thiệu bài thơ *Nhớ đồng* của Tố Hữu. | Nhóm phân chia nhiệm vụ để tổ chức một buổi giao lưu giả định với nhà thơ và nhà phê bình văn học.  Phân vai cụ thể:  + Người dẫn chương trình  + Nhà thơ Tố Hữu  + Nhà phê bình văn học Lại Nguyên Ân  Xây dựng và nộp lại kịch bản |
| 2 | Trao đổi về bài thơ *Nhớ đồng* với nhà thơ Tố Hữu và nhà phê bình văn học Lại Nguyên Ân | - Lắng nghe những trao đổi của nhà thơ và nhà phê bình để đặt ra các câu hỏi |

**2. Học liệu**

Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải bài học mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung

**b. Nội dung:** GV cho HS xem tranh và video

**c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, hiểu biết của HS về bức tranh**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập  - GV trình chiếu bức tranh *Thiếu nữ bên hoa huệ* của họa sĩ Tô Ngọc Vân  Thiếu nữ bên hoa huệ – Wikipedia tiếng Việt  ? Em biết gì về bức tranh này?  - Gv trình chiếu video  <https://www.youtube.com/shorts/LWHsSLGEo2>c  ? Thông qua lời giới thiệu về bức tranh trong video, em hãy đưa ra một vài nhận xét về bức tranh *Thiếu nữ bên hoa huệ*?  Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ  Học sinh suy nghĩ , tìm kiếm câu trả lời  Bước 3. Báo cáo, thảo luận  Học sinh chia sẻ  Bước 4. GV dẫn dắt vào bài mới  **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu hoạt động:**  -Học sinh nêu lí do vì sao mình giới thiệu bài thơ này đến mọi người.  -Học sinh cung cấp được các thông tin chung về bài thơ một cách ngắn gọn: tên bài thơ, tác giả, đề tài, thể thơ,....  -Học sinh làm rõ được niềm hứng thú của bản thân đối với những nét đặc sắc về nội dung và hình thức của một tác phẩm thơ.  -Học sinh nêu được thông điệp hoặc quan điểm cá nhân về vấn đề thuyết trình, thuyết phục được người nghe và đặt câu hỏi để mọi người thảo luận xa hơn.  -Học sinh thể hiện được sự tôn trọng những cách cảm nhận, đánh giá đa dạng đối với một tác phẩm thơ.  **b. Nội dung thực hiện:**  - Kịch bản giao lưu giả định về giá trị của bài thơ.  - Những nội dung và quá trình trao đổi giữa HS nói với người nghe.  **c. Sản phẩm**: kịch bản giao lưu giả định.  **d. Tổ chức thực hiện:**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** | | **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chuyển giao nhiệm vụ học tập cho nhóm 1 và 2 (phiếu học tập số 1) để HS chuẩn bị bài nói ở nhà  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo nhóm  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày bài nói và nghe theo kịch bản đã chuẩn bị.  Thứ tự như sau:  - MC giới thiệu chương trình, giới thiệu nhà thơ và nhà phê bình.  - Nhà thơ Tố Hữu giới thiệu ngắn gọn về bài thơ *Nhớ đồng*  - Nhà phê bình Lại Nguyên Ân đánh giá, nhận xét  - Độc giả đặt câu hỏi để giao lưu  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV, HS đóng vai trò người nghe, ghi lại:  + Ưu điểm về bài nói của bạn  + Hạn chế  + 1 đề xuất thay đổi, điều chỉnh bài nói.  - GV hướng dẫn HS dùng bảng kiểm để tự đánh giá bài nói của mình / đánh giá bài nói của bạn.(phụ lục 3, phụ lục 4).  Đánh giá về kĩ năng nghe (phụ lục 5)  - GV tổng kết về hoạt động nghe-nói, chốt những kiến thức, kĩ năng cơ bản. | **1.Chuẩn bị nói và nghe**  - Lựa chọn đề tài bài nói (có thể tích hợp từ phần Đọc và Viết).  - Tìm ý và sắp xếp ý: Xem lại hệ thống luận điểm lựa chọn những ý quan trọng nhất để rút gọn bài viết thành bài nói, thể hiện rõ nét quan điểm và phát hiện của bản thân được trình bày trong bài thơ, chọn dẫn chứng minh họa để nêu và phân tích.  (Lưu ý:  + Các ý được trình bày theo thứ tự: nhận diện -> tìm hiểu -> đánh giá -> đề xuất thái độ, cách thức tiếp nhận.  + Chú ý cấu tứ và hình ảnh thơ)  - Xác định từ ngữ then chốt để làm rõ quan điểm được sử dụng trong bài viết và trình bày trong bài nghe nói.  - Phương tiện hỗ trợ: Powerpoint, âm thanh, hình ảnh,…  - Người nghe: Tìm hiểu trước vấn đề; lắng nghe bằng một thái độ tích cực; sẵn sàng đối thoại để làm rõ vấn đề.  **2.Thực hành nói và nghe**  **a.Người nói**  - Mở đầu: Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ hoặc cách dẫn dắt tùy chọn để tạo sự hứng thú cho người nghe.  - Thân bài:  + Giới thiệu về nội dung, cảm xúc chủ đạo của bài thơ.  + Cảm xúc đó được thể hiện qua cấu tứ như thế nào? Nhận xét về cấu tứ đó?  + Nội dung được thể hiện qua hệ thống hình ảnh ra sao? nhận xét về hệ thống hình ảnh đó.  - Kết bài: Khái quát lại những điều mình cảm nhận cũng như đánh giá về giá trị của bài thơ trên các phương diện về hình thức và nội dung. Có thể khuyến khích người đọc tìm tòi và phát hiện thêm các góc nhìn khác về bài thơ.  **b.Người nghe**: Lắng nghe tôn trọng, ghi lại ý chính và chú ý hơn về phong thái; viết vào vở những nội dung thấy hay, hứng thú; ghi rõ những câu hỏi, thắc mắc đối với người nói, sẵn sàng đối thoại để làm rõ vấn đề.  3**. Trao đổi**  **a) Người nghe**  - Đặt câu hỏi để làm rõ vấn đề.  - Chia sẻ quan điểm, đưa ra những góc nhìn khác về bài thơ.  - Đưa ra những góp ý, bổ sung thông tin mang tính xây dựng.  **b) Người nói**  - Làm rõ những điều người nghe muốn tìm hiểu thêm.  - Trao đổi những ý kiến chưa thống nhất.  - Phản hồi và trao đổi với thái độ lắng nghe và cầu thị. | |
|  |
| **PL1. Phiếu học tập số 1:**   |  | | --- | | 1. Lí do giới thiệu về bài thơ:  ....................................................................................................................................................................................................................................................................................................  2.Tác giả, xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác:  ....................................................................................................................................................................................................................................................................................................  3. Nội dung chính sẽ được trình bày:  ....................................................................................................................................................................................................................................................................................................  4. Tìm hiểu, đánh giá cấu tứ của bài thơ:  ....................................................................................................................................................................................................................................................................................................  5. Phân tích, đánh giá hệ thống hình ảnh của bài thơ:  ....................................................................................................................................................................................................................................................................................................  6. Khẳng định sự độc đáo của bài thơ và ý nghĩa của nó trong việc đem lại cách nhìn, cách cảm nhận mới cho độc giả:  .................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |   **PL2. Bảng kiểm tự đánh giá và đánh giá về bài trình bày**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung đánh giá** | **Kết quả** | | | **Đạt** | **Chưa đạt** | | 1 | Lựa chọn được tác phẩm thơ phù hợp để thực hiện yêu cầu giới thiệu, đánh giá. |  |  | | 2 | Nêu được phương diện cần tập trung giới thiệu, đánh giá tác phẩm thơ đã chọn. |  |  | | 3 | Xây dựng được bố cục hợp lý cho bài thuyết trình căn cứ vào đặc điểm của tác phẩm thơ và mục tiêu thuyết trình. |  |  | | 4 | Chú ý đặc trưng của thể loại thơ khi tạo điểm nhấn cho bài thuyết trình. |  |  | | 5 | Phát huy được ưu thế tác động của tác phẩm thơ khi thực hiện việc tương tác với người nghe. |  |  | | 6 | Sử dụng có hiệu quả các phương tiện phi ngôn ngữ. |  |  |   **PL3. Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói của bản thân**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nói** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | Rút kinh nghiệm về bài thuyết trình: | | | + Đã thuyết trình đầy đủ các nội dung chuẩn bị trong dàn ý chưa? |  | | + Cách thức thuyết trình, phong thái, giọng điệu, ngôn ngữ… có phù hợp không? |  | | + Các phương tiện hỗ trợ có hiệu quả như thế nào? |  | | Đánh giá chung: | | | + Điều em hài lòng về bài thuyết trình của mình là gì? |  | | + Điều gì em mong muốn thay đổi trong bài thuyết trình đó? |  |   **PL4. Bảng tự kiểm tra kĩ năng nghe:**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung tự kiểm tra kĩ năng nghe** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | Kiểm tra kết quả nghe: | | | + Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa? |  | | + Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ của bạn? |  | | Rút kinh nghiệm về thái độ nghe: | | | + Đã chú ý và tôn trọng người thuyết trình chưa? |  | | + Có nêu được câu hỏi và tham gia ý kiến trong quá trình thảo luận không? |  |   **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)**  **a.Mục tiêu**: HS vận dụng kiến thức đã học để trình bày về một khía cạnh đặc sắc trong một bài thơ.  **b.Nội dung**: thể hiện cách nhìn, quan điểm của bản thân về giá trị của một bài thơ.  **c.Sản phẩm**: nói và nghe của học sinh.  **d.Nội dung thực hiện**:   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** | | Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:  Gv nêu yêu cầu của bài tập: Ý nghĩa *Tiếng hò* trong bài thơ *Nhớ đồng* của Tố Hữu  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: :  HS thực hiện theo nhóm nhỏ.  Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Các nhóm góp ý kiến, chia sẻ về các bài nói.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện:  - GV cùng HS nhận xét, bổ sung | - Giới thiệu về nhà thơ Tố Hữu và bài thơ *Nhớ đồng.*  - Cảm hứng của bài thơ được gợi lên từ tiếng hò quen thuộc của quê hương làm xao động tâm hồn thi sĩ.  - Tiếng hò là:  + những điệu ca, điệu hò nổi tiếng như Nam ai, Nam bình, mái nhì, mái đẩy…của người dân xứ Huế - quê hương của Tố Hữu; là âm thanh của đời thường luôn luôn vang vọng trong kí ức nhà thơ.  + tiếng thương nhớ quê hương, nó được lặp lại nhiều lần giúp tô dậm nỗi nhớ triền miên, da diết.  - Tiếng hò đã khơi dậy trong tâm tưởng nhà thơ bao hình ảnh của cuộc sống mến thương trên quê hương yêu dấu.  - Diễn tả nỗi lòng cô đơn, hiu quạnh của nhân vật trữ tình khi bị cách biệt với thế giới bên ngoài.  Vì thế mà tiếng hò có rất nhiều ý nghĩa đối với người tù trẻ tuổi mang trái tim thi sĩ. Đây cũng là một chi tiết nghệ thuật đặc sắc góp phần làm nên sự thành công của bài thơ. | |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu**: HS vận dụng kiến thức đã học để trình bày về một tác phẩm mới.(HS lựa chọn bài thơ mà mình yêu thích)  **b. Nội dung**: Giới thiệu, đánh giá về nội dung, nghệ thuật tác phẩm thơ  **c. Sản phẩm**: HS thực hiện được bài thuyết trình giới thiệu, đánh giá về nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm thơ  **d. Tổ chức thực hiện:**  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV đưa ra tác phẩm (hoặc HS chọn tác phẩm mình muốn đọc).  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Hs tìm đọc ở nhà.  Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Chia sẻ sản phẩm trên nhóm Zalo.  Bước 4: Kết luận, nhận định. Rút kinh nghiệm về kĩ năng đọc, tìm hiểu về tác phẩm thơ. |

**4. Củng cố:**

**a. Mục tiêu**: HS nắm được cách thức thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật thơ.

**b. Nội dung**: Xây dựng dàn ý cho một bài thuyết trình về một tác phẩm thơ.

**c. Sản phẩm**: HS xây dựng được dàn ý.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: hãy xây dựng dàn ý cho một bài thuyết trình về một tác phẩm thơ.  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ :Hs xây dựng dàn ý.  Bước 3: Báo cáo, thảo luận : Chia sẻ sản phẩm.  Bước 4: Kết luận, nhận định. Rút kinh nghiệm về kĩ năng đọc, tìm hiểu về tác phẩm thơ. | - Mở đầu: Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ hoặc cách dẫn dắt tùy chọn để tạo sự hứng thú cho người nghe.  - Thân bài:  + Giới thiệu về nội dung, cảm xúc chủ đạo của bài thơ.  + Cảm xúc đó được thể hiện qua cấu tứ như thế nào? Nhận xét về cấu tứ đó?  + Nội dung được thể hiện qua hệ thống hình ảnh ra sao? nhận xét về hệ thống hình ảnh đó  - Kết bài: Khái quát lại những điều mình cảm nhận cũng như đánh giá về giá trị của bài thơ trên các phương diện về hình thức và nội dung. Có thể khuyến khích người đọc tìm tòi và phát hiện thêm các góc nhìn khác về bài thơ. |

**5. HDVN:**

HS chuẩn bị bài 3: Cấu trúc của một văn bản nghị luận.